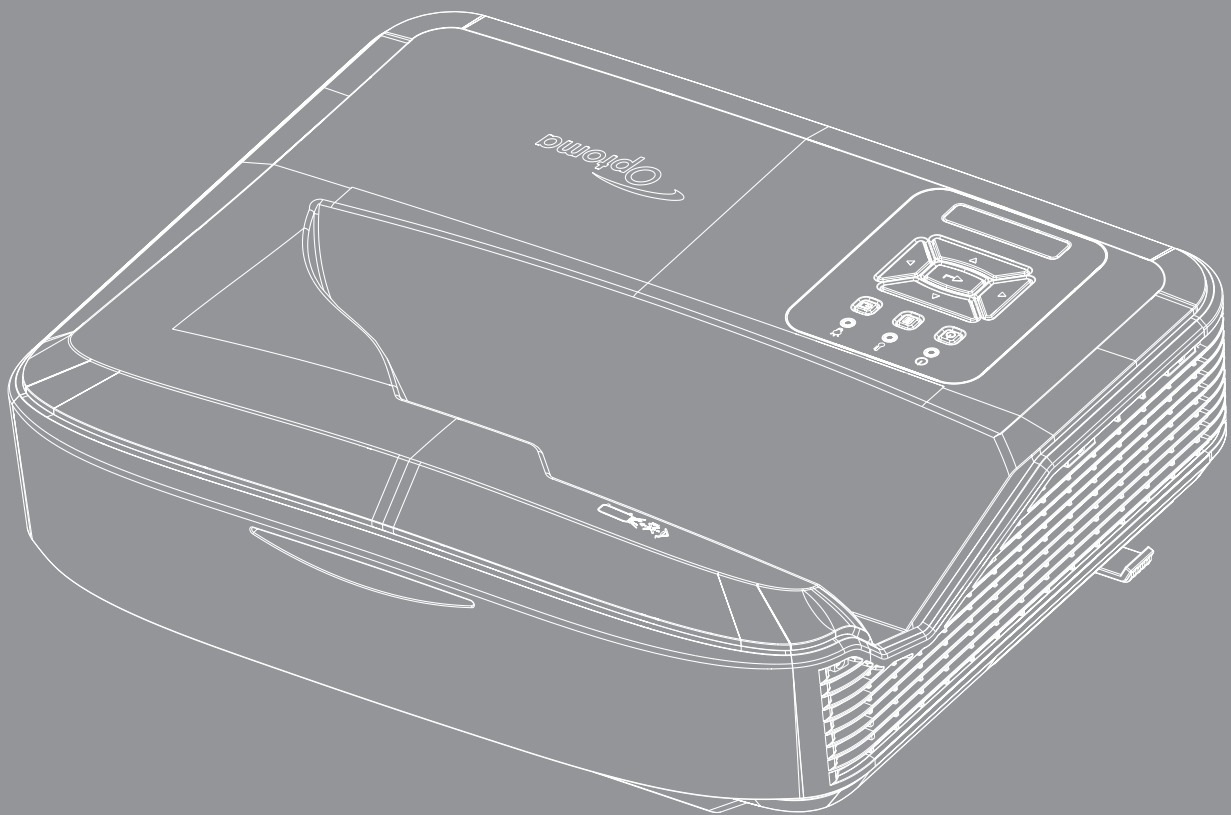


Máy chiếu DLP®



Sách hướng dẫn
sử dụng



MỤC LỤC



AN TOÀN	4
<i>Hướng dẫn về an toàn quan trọng</i>	<i>4</i>
<i>Làm sạch ống kính</i>	<i>5</i>
<i>Thông tin an toàn về bức xạ laser</i>	<i>6</i>
<i>Bản quyền</i>	<i>7</i>
<i>Từ chối trách nhiệm.....</i>	<i>7</i>
<i>Công nhận nhãn hiệu hàng hoá</i>	<i>7</i>
<i>FCC</i>	<i>7</i>
<i>Tuyên bố về sự phù hợp của các quốc gia Liên minh Châu Âu</i>	<i>8</i>
<i>WEEE.....</i>	<i>8</i>
GIỚI THIỆU.....	9
<i>Tổng quan về sản phẩm.....</i>	<i>10</i>
<i>Kết nối</i>	<i>11</i>
<i>Bộ điều khiển từ xa.....</i>	<i>13</i>
THIẾT LẬP VÀ CÀI ĐẶT	14
<i>Lắp đặt máy chiếu</i>	<i>14</i>
<i>Kết nối nguồn vào máy chiếu</i>	<i>16</i>
<i>Điều chỉnh hình ảnh chiếu.....</i>	<i>17</i>
<i>Điều chỉnh tiêu điểm của máy chiếu.....</i>	<i>18</i>
<i>Thiết lập từ xa.....</i>	<i>19</i>
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU	21
<i>Tắt / mở máy chiếu.....</i>	<i>21</i>
<i>Chọn nguồn đầu vào</i>	<i>22</i>
<i>Điều hướng menu (bảng chọn) và các tính năng</i>	<i>23</i>
<i>Cây menu OSD</i>	<i>24</i>
<i>Hiển thị menu cài đặt hình ảnh.....</i>	<i>34</i>
<i>Hiển thị menu trò chơi nâng cao.....</i>	<i>36</i>
<i>Hiển thị menu 3D.....</i>	<i>37</i>
<i>Hiển thị menu tỷ lệ khung hình</i>	<i>38</i>
<i>Hiển thị menu mặt nạ cạnh.....</i>	<i>40</i>
<i>Hiển thị menu thu phóng</i>	<i>40</i>
<i>Hiển thị menu thay đổi ống kính kỹ thuật số.....</i>	<i>40</i>
<i>Hiển thị menu thay đổi hình ảnh.....</i>	<i>40</i>
<i>Hiển thị menu sửa hình học</i>	<i>40</i>
<i>Hiển thị menu đặt lại.....</i>	<i>40</i>

<i>Menu cài đặt âm thanh</i>	41
<i>Menu tắt âm thanh</i>	41
<i>Menu micrô âm thanh</i>	41
<i>Menu âm lượng</i>	41
<i>Menu âm lượng micrô</i>	41
<i>Thiết lập menu chiếu</i>	42
<i>Thiết lập menu loại màn hình</i>	42
<i>Thiết lập menu cài đặt bộ lọc</i>	42
<i>Thiết lập menu cài đặt nguồn</i>	43
<i>Thiết lập menu bảo mật</i>	43
<i>Thiết lập menu cài đặt liên kết HDMI</i>	44
<i>Thiết lập menu mẫu thử nghiệm</i>	44
<i>Thiết lập menu cài đặt từ xa</i>	44
<i>Thiết lập menu ID máy chiếu</i>	45
<i>Thiết lập menu tùy chọn</i>	45
<i>Cài đặt lại menu OSD</i>	47
<i>Menu mạng LAN</i>	47
<i>Menu điều khiển mạng</i>	48
<i>Thiết lập menu cài đặt điều khiển mạng</i>	49
<i>Menu thông tin</i>	54

THÔNG TIN THÊM..... 55

<i>Độ phân giải tương thích</i>	55
<i>Thiết lập cổng RS232 và kết nối tín hiệu</i>	60
<i>Điều chỉnh kích thước hình ảnh chiếu (Đường chéo)</i>	61
<i>Kích thước máy chiếu và cách lắp đặt giá treo trần</i>	63
<i>Mã hồng ngoại từ xa</i>	64
<i>Khắc phục sự cố</i>	66
<i>Chỉ báo cảnh báo</i>	68
<i>Thông số kỹ thuật</i>	69
<i>RS232 protocol function list</i>	70

AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên nằm trong hình tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về “điện áp nguy hiểm” không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm có thể đủ lớn để gây nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.

Hướng dẫn về an toàn quan trọng

Mục đích sử dụng sản phẩm là sản phẩm laser dân dụng

SẢN PHẨM LASER DÂN DỤNG LOẠI 1

EN 50689:2021



- Không nhìn trực tiếp vào chùm tia RG2.
Với bất kỳ nguồn sáng nào, không nhìn trực tiếp vào chùm tia, RG2 IEC 62471-5:2015.
- Máy chiếu này là sản phẩm laser (khuếch đại ánh sáng bằng phát xạ kích thích) cấp 1 của IEC (Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế) 60825-1: 2014 và thuộc nhóm rủi ro 2 theo các yêu cầu của IEC 62471-5: 2015.
- Cần giám sát trẻ em và không bao giờ cho phép chúng nhìn chằm chằm vào chùm máy chiếu ở bất kỳ khoảng cách nào so với máy chiếu.
- Cần thận trọng khi sử dụng điều khiển từ xa để khởi động máy chiếu khi ở trước ống kính chiếu.
- Người sử dụng cần tránh sử dụng các thiết bị có hỗ trợ quang học như ống nhòm hoặc kính thiên văn bên trong chùm tia.
- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ: Không đặt máy chiếu trên bề mặt có nhiều vật dụng khác. Không đặt máy chiếu trong một không gian kín chẳng hạn như kệ sách hoặc tủ hạn chế lưu thông khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, sưởi hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khác nghiệt.
 - (i) Đảm bảo nhiệt độ xung quanh phòng là 5°C ~ 40°C (41°F ~ 104°F)
 - (ii) Độ ẩm tương đối là 10% ~ 85%
 - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
 - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
 - Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
 - Thiết bị bị rơi.
 - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
 - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
 - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
 - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.

AN TOÀN

- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể bị rơi và gây thương tích hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
- Không chặn ánh sáng đi ra khỏi ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng sẽ đốt nóng vật thể và làm vật đó nóng chảy, cháy hoặc bắt lửa.
- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng được ủy quyền.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng chói có thể gây hại cho mắt của bạn.
- Máy chiếu sẽ tự phát hiện tuổi thọ của nguồn sáng.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Không sử dụng chất tẩy rửa, sáp hay dung môi để lau thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- Không đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung hoặc sóc.
- Không chạm vào ống kính bằng tay không.
- Tháo (nhiều) pin khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu để (nhiều) pin trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể bị rò rỉ.
- Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể có khói dầu hoặc khói thuốc lá vì nó có thể tác động xấu đến chất lượng trình chiếu của máy chiếu.
- Vui lòng cài đặt đúng hướng máy chiếu vì cài đặt không chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.
- Sử dụng dải nguồn và / hoặc thiết bị chống sét lan truyền. Vì mất điện và điện chập chờn có thể LÀM HỎNG các thiết bị.

Làm sạch ống kính

- Trước khi vệ sinh ống kính, hãy nhớ tắt máy chiếu và rút dây nguồn để máy nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bám.
- Sử dụng vải chuyên dụng để vệ sinh ống kính và cần thao tác nhẹ nhàng với ống kính. Không chạm vào ống kính bằng ngón tay.
- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm / axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để làm sạch ống kính. Nếu thấu kính bị hỏng do quá trình vệ sinh, nó không được bảo hành.



Cảnh báo: Không sử dụng bình xịt có chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong máy chiếu quá cao.



Cảnh báo: Không làm sạch ống kính nếu máy chiếu đang nóng lên vì điều này có thể làm bong lớp phim bề mặt của ống kính.



Cảnh báo: Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.

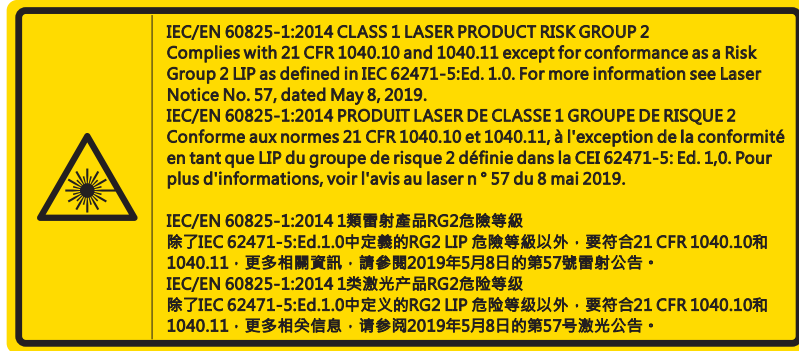
Để tránh bị điện giật, thiết bị và các thiết bị ngoại vi của thiết bị phải được nối đất đúng cách (nối đất).

Thiết bị này được trang bị phích cắm điện loại tiếp đất ba chân. Không tháo chốt nối đất trên phích cắm điện. Đây là một tính năng an toàn. Nếu bạn không thể cắm phích cắm vào ổ cắm, hãy liên hệ với thợ điện. Không thay đổi mục đích của phích cắm tiếp đất.

AN TOÀN

Thông tin an toàn về bức xạ laser

- Sản phẩm này được phân loại là SẢN PHẨM LASER LỚP 1 – thuộc NHÓM RỦI RO 2 của tiêu chuẩn IEC60825-1: 2014 và cũng tuân thủ theo tiêu chuẩn 21 CFR 1040.10 và 1040.11 thuộc Nhóm rủi ro 2, LIP (Máy chiếu được chiếu sáng bằng laser) như được định nghĩa trong IEC 62471: 5: Ed. 1,0. Để biết thêm thông tin, hãy xem Thông báo về Laser số 57, ngày 8 tháng 5 năm 2019.
- Với bất kỳ nguồn sáng nào, không nhìn trực tiếp vào chùm tia, RG2 IEC 62471-5:2015



- Khi bật máy chiếu, đảm bảo không ai trong phạm vi chiếu đang nhìn vào ống kính.
- Giữ bất kỳ vật dụng nào (kính lúp, v.v.) ra khỏi đường đi của đèn chiếu. Đường đi của ánh sáng được chiếu từ ống kính rất rộng, do đó, bất kỳ loại vật thể bất thường nào có thể chuyển hướng ánh sáng ra khỏi ống kính đều có thể gây ra hậu quả khó lường như hỏa hoạn hoặc thương tích cho mắt.
- Bất kỳ hoạt động hoặc điều chỉnh nào không được hướng dẫn cụ thể trong sách hướng dẫn sử dụng sẽ dẫn đến nguy cơ tiếp xúc với bức xạ laser nguy hại.
- Không mở hoặc tháo rời máy chiếu bởi việc này có thể gây ra thiệt hại do tiếp xúc với bức xạ laser.
- Đừng nhìn thẳng vào chùm tia khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng mạnh có thể gây tổn thương mắt vĩnh viễn.

Không theo quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc vận hành có thể gây ra thiệt hại do tiếp xúc với bức xạ laser

AN TOÀN

Bản quyền

Ấn phẩm này, bao gồm tất cả các hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo luật bản quyền quốc tế, với tất cả các quyền được bảo lưu. Hướng dẫn này, cũng như bất kỳ tài liệu nào trong đây, không được sao chép khi không có được sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2021

Từ chối trách nhiệm

Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không thể hiện hoặc bảo đảm liên quan đến nội dung ở đây và từ chối bất cứ bảo đảm có tính ngụ ý về khả năng bán hoặc phù hợp cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất bảo lưu quyền sửa đổi các ấn phẩm này và thay đổi theo thời gian các nội dung ở đây mà không có nghĩa vụ nhà sản xuất phải thông báo cho bất kỳ người nào về việc sửa đổi hoặc thay đổi đó.

Công nhận nhãn hiệu hàng hoá

Kensington là thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ cho Tổng công ty ACCO Brand với các đăng ký đã cấp và các đơn đăng ký đang xử lý tại các quốc gia khác trên khắp thế giới.

HDMI, HDMI Logo và High-Definition Multimedia Interface là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

DLP®, DLP Link và logo DLP thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

Tất cả các tên sản phẩm khác được sử dụng trong hướng dẫn này là tài sản của chủ sở hữu tương ứng và được Thừa nhận.

FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiếu theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho việc thu sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có thể được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, bạn nên cố gắng khắc phục nhiễu bằng một hoặc nhiều biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ư kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Lưu ý: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

Chú ý

Những thay đổi hoặc sửa đổi không được hãng sản xuất chấp thuận rõ ràng có thể làm vô hiệu quyền sử dụng máy chiếu này của người dùng, do Ủy ban Truyền thông Liên bang cấp.

Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

AN TOÀN

Thiết bị này đã được thử nghiệm và tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiểu theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ hợp lý chống lại nhiễu có hại khi thiết bị được vận hành trong môi trường thương mại. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số vô tuyến và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc vô tuyến.

Việc vận hành thiết bị này trong khu dân cư có khả năng gây nhiễu sóng có hại, trong trường hợp đó, người dùng sẽ được yêu cầu sửa chữa nhiễu sóng bằng chi phí của mình.

Lưu ý: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

Tuyên bố về sự phù hợp của các quốc gia Liên minh Châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EU (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EU về điện thế thấp
- Chỉ thị 2014/53/EU về R & TTE (nếu sản phẩm có chức năng RF)

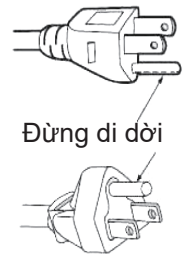
WEEE



Hướng dẫn thải bỏ

Không bỏ thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

CHÚ Ý: Thiết bị này được trang bị phích cắm điện loại tiếp đất ba chân. Không tháo chốt nối đất trên phích cắm điện. Phích cắm này sẽ chỉ phù hợp với ổ cắm điện loại tiếp đất. Đây là một tính năng an toàn. Nếu bạn không thể cắm phích cắm vào ổ cắm, hãy liên hệ với thợ điện. Không thay đổi mục đích của phích cắm tiếp đất.



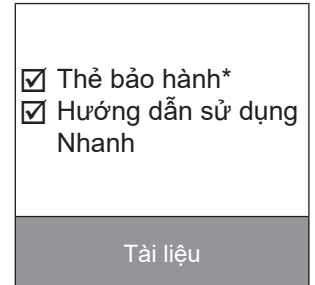
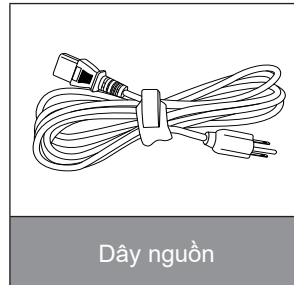
Cảnh báo: Không tháo chốt nối đất trên phích cắm nguồn điện. Thiết bị này được trang bị phích cắm nguồn điện kiểu nối đất ba nhánh. Phích cắm này sẽ chỉ phù hợp với ổ cắm điện kiểu nối đất. Đây là một tính năng an toàn. Nếu bạn không thể cắm phích cắm vào ổ điện chính, hãy liên hệ với thợ điện. Không thay đổi mục đích của phích cắm tiếp đất.

GIỚI THIỆU

Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở kiện hàng và xác minh rằng bạn có các mặt hàng được liệt kê dưới đây theo phụ kiện tiêu chuẩn. Một số mặt hàng trong các phụ kiện tùy chọn có thể không có sẵn tùy thuộc vào kiểu máy, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Vui lòng kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau giữa các khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được cung cấp ở một số khu vực cụ thể. Vui lòng tham khảo ý kiến đại lý của bạn để biết thông tin chi tiết.



Lưu ý:

- Điều khiển từ xa được vận chuyển cùng với pin.
- * Đối với thông tin bảo hành châu Âu, vui lòng truy cập www.optoma.com.



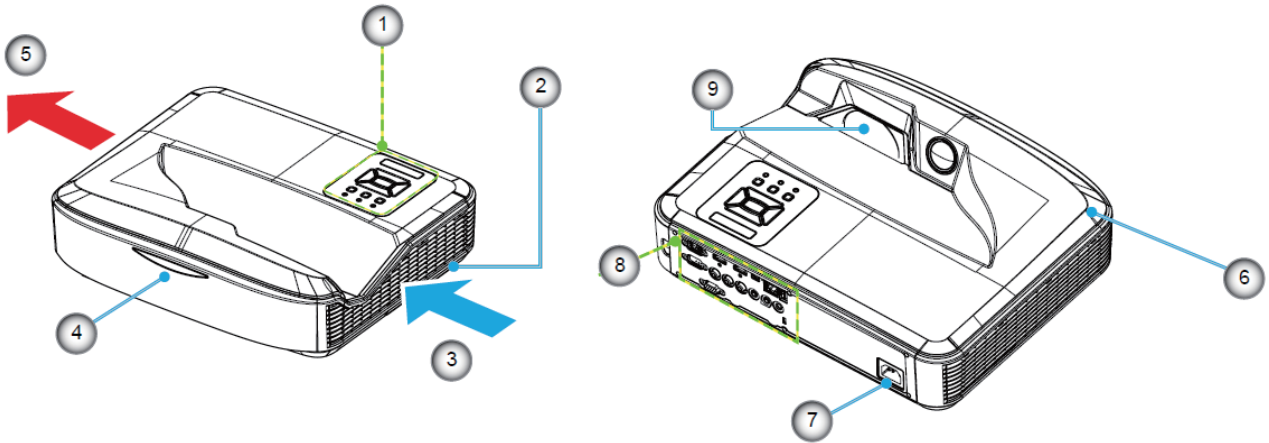
Vui lòng quét mã QR bảo hành OPAM hoặc truy cập URL sau:
<https://www.optoma.com/us/support/warranty-and-return-policy/>



Vui lòng quét mã QR khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hoặc truy cập URL sau: <https://www.optoma.com/support/download>

GIỚI THIỆU

Tổng quan về sản phẩm



Lưu ý:

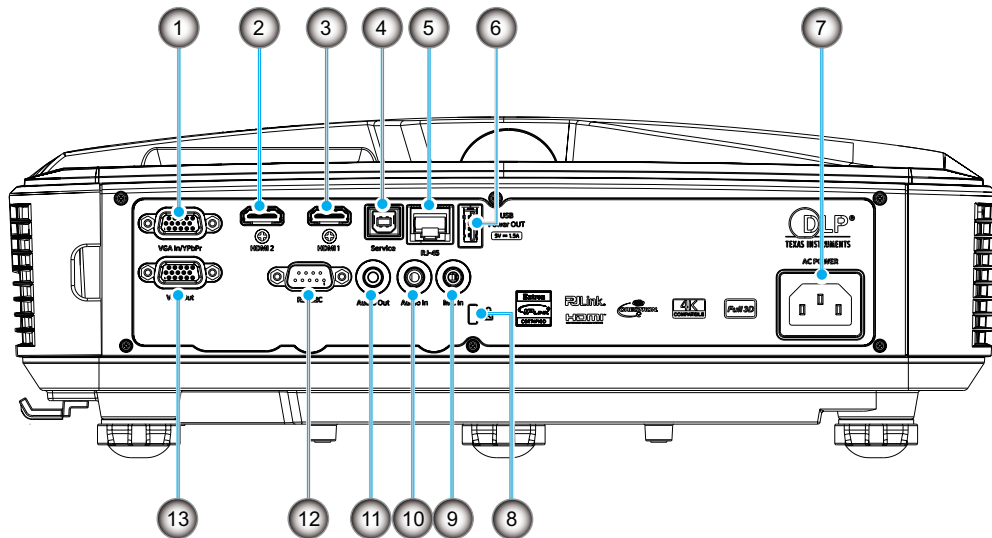
- Không chặn cửa hút và thoát của máy chiếu.
- Khi vận hành máy chiếu trong không gian kín, hãy để khoảng trống ít nhất 30 cm xung quanh cửa hút và thoát khí.

STT	Mục
1.	Bảng điều khiển
2.	Công tắc lấy nét
3.	Thông khí (cửa nạp)
4.	Bộ thu hồng ngoại
5.	Thông khí (cửa thoát)

STT	Mục
6.	Loa
7.	Ổ cắm điện
8.	Đầu ra / đầu vào
9.	Thấu kính

GIỚI THIỆU

Kết nối

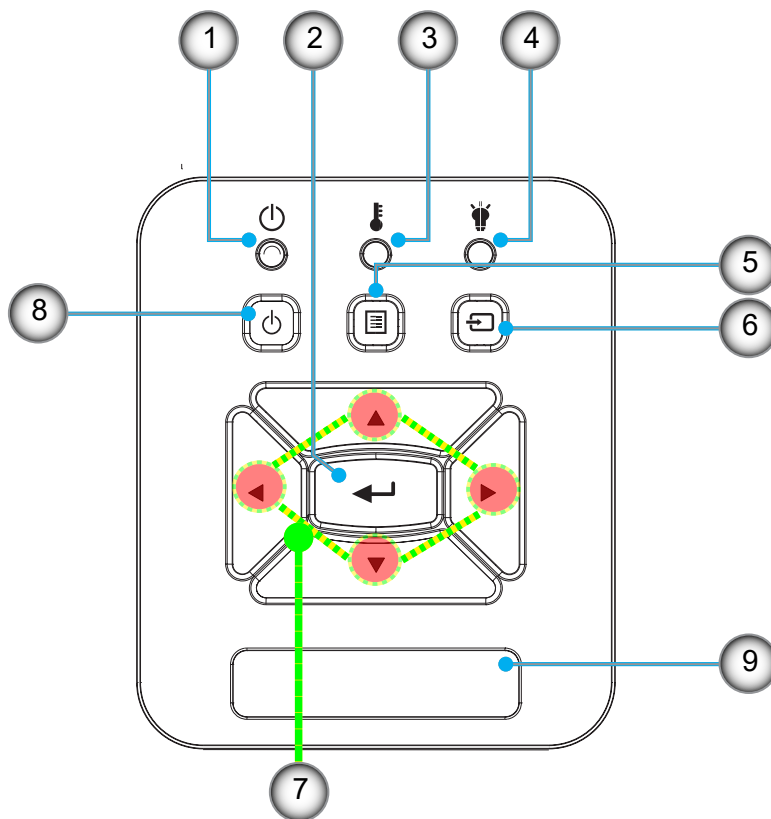


STT	Mục
1.	Đầu nối VGA vào/YPbPr
2.	Đầu nối HDMI 2
3.	Đầu nối HDMI 1
4.	Đầu nối USB Loại B
5.	Đầu nối RJ45
6.	Đầu nối Nguồn USB ra (5 V/1,5 A)

STT	Mục
7.	Ổ cắm điện
8.	Cổng khóa Kensington™
9.	Đầu nối MIC vào
10.	Đầu nối Âm thanh vào
11.	Đầu nối Âm thanh ra
12.	Đầu nối RS232
13.	Đầu nối VGA-Out

GIỚI THIỆU

Bảng điều khiển

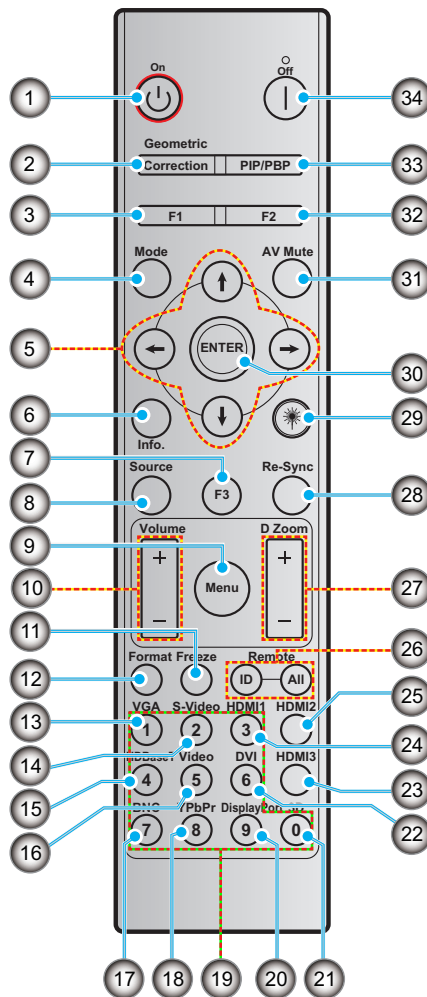


STT	Mục
1.	Đèn LED nguồn
2.	Nhập
3.	Đèn LED nhiệt độ
4.	Đèn LED bóng đèn
5.	Trình đơn

STT	Mục
6.	Đầu vào
7.	Bốn phím chọn điều hướng
8.	Nút nguồn/chờ
9.	Bộ thu hồng ngoại

GIỚI THIỆU

Bộ điều khiển từ xa



STT	Mục
1.	Bật nguồn
2.	Hiệu chỉnh hình học
3.	Nút chức năng (F1) (Có thể gán)
4.	Chế độ
5.	Bốn phím chọn điều hướng
6.	Thông tin
7.	Nút chức năng (F3) (Có thể gán)
8.	Nguồn
9.	Trình đơn
10.	Âm lượng +/-
11.	Đóng băng
12.	Định dạng (Tỷ lệ khung hình)
13.	VGA
14.	S-Video (không được hỗ trợ)
15.	HDBase-T (không được hỗ trợ)
16.	Video
17.	BNC (không được hỗ trợ)

STT	Mục
18.	YPbPr (không được hỗ trợ)
19.	Bàn phím số (0 - 9)
20.	Cổng hiển thị (không được hỗ trợ)
21.	3D
22.	DVI (không được hỗ trợ)
23.	HDMI 3 (không được hỗ trợ)
24.	HDMI 1
25.	HDMI 2
26.	ID từ xa/Từ xa tắt cả
27.	Zoom kỹ thuật số +/-
28.	Tái đồng bộ
29.	Laze
30.	Nhập
31.	Chặn AV
32.	Nút chức năng (F2) (Có thể gán)
33.	PIP / PBP (không được hỗ trợ)
34.	Tắt nguồn

Lưu ý:

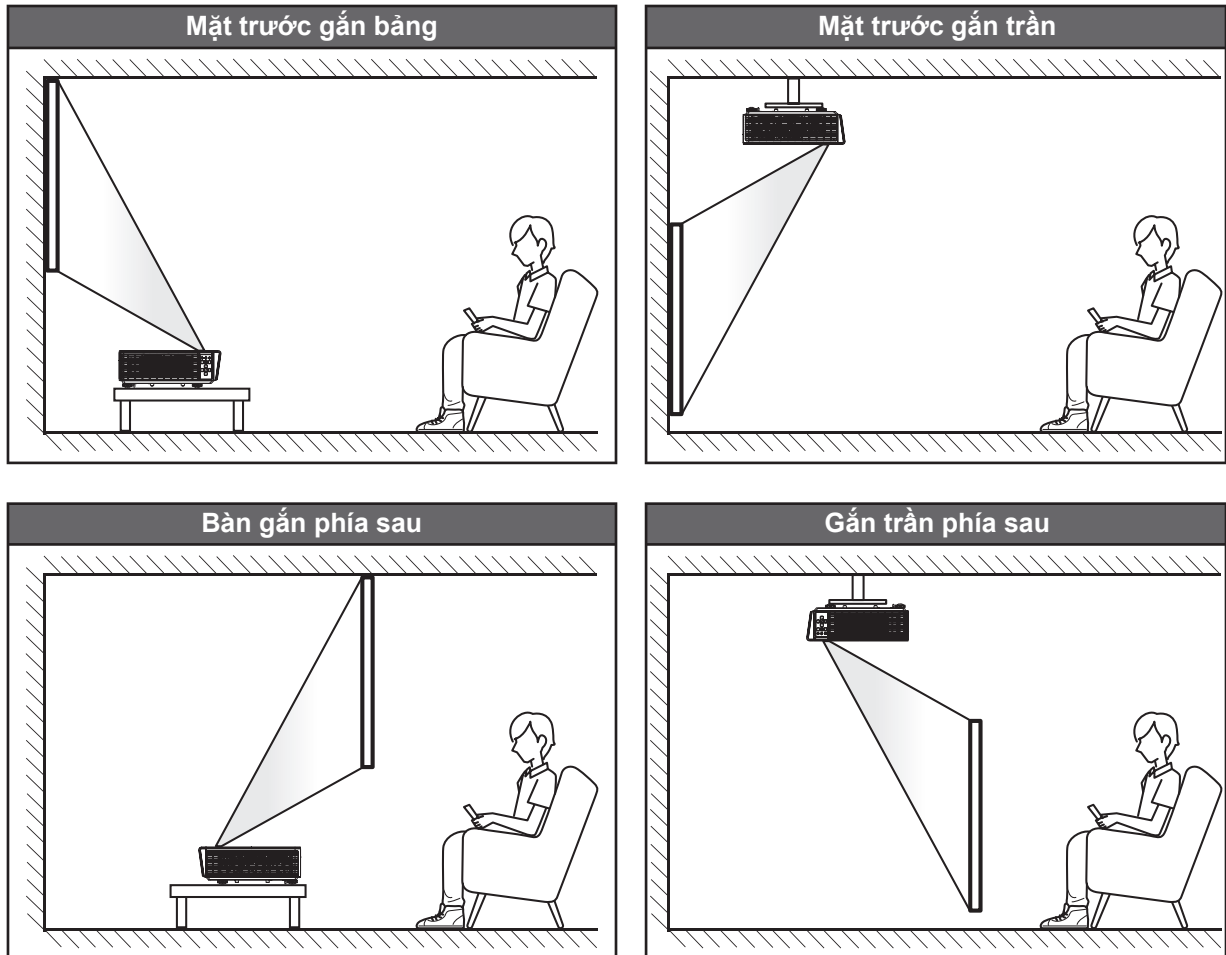
- Một số nút có thể không có chức năng cho các dòng máy không hỗ trợ những tính năng này.
- Không hỗ trợ chức năng IR (hồng ngoại) có dây.

THIẾT LẬP VÀ CÀI ĐẶT

Lắp đặt máy chiếu

Máy chiếu được thiết kế để lắp đặt ở một trong bốn vị trí có thể.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích cá nhân của bạn sẽ quyết định vị trí lắp đặt bạn chọn. Cân nhắc kích thước và vị trí của màn hình, vị trí của ổ cắm điện phù hợp, cũng như vị trí và khoảng cách giữa máy chiếu và phần còn lại của thiết bị.



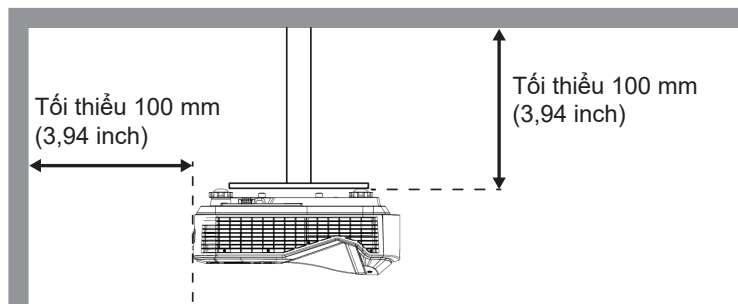
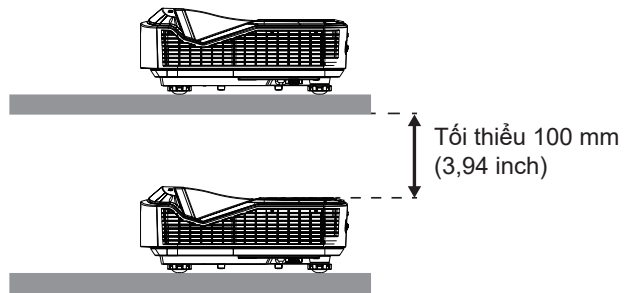
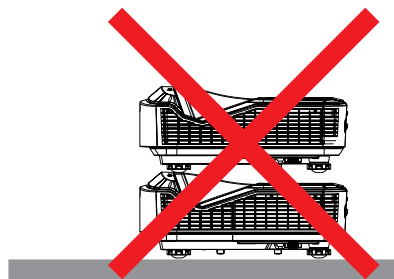
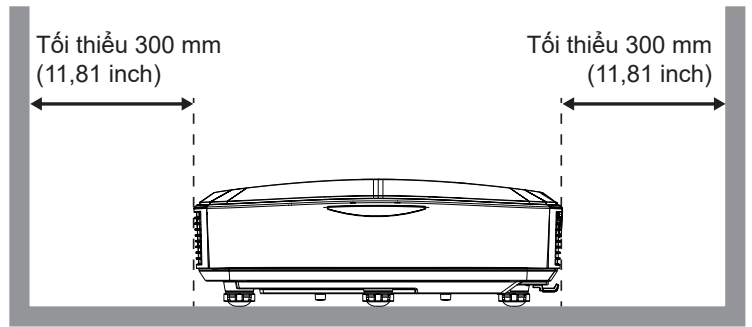
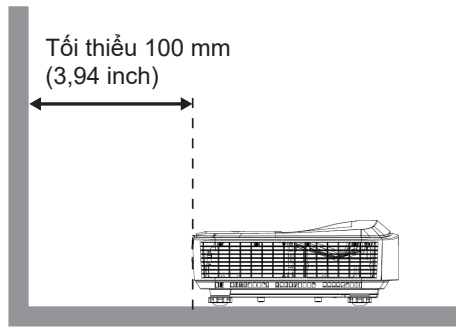
Máy chiếu phải được đặt phẳng trên bề mặt và vuông góc 90 độ / với màn hình.

- Cách xác định vị trí máy chiếu cho một kích thước màn hình nhất định, vui lòng tham khảo bảng khoảng cách trên trang 61.
- Cách xác định kích thước màn hình cho một khoảng cách nhất định, vui lòng tham khảo bảng khoảng cách trên trang 61.

Lưu ý: Đặt máy chiếu càng xa màn hình, kích thước hình ảnh chiếu càng tăng và độ lệch dọc cũng tăng tương ứng.

THIẾT LẬP VÀ CÀI ĐẶT

Thông báo lắp đặt máy chiếu



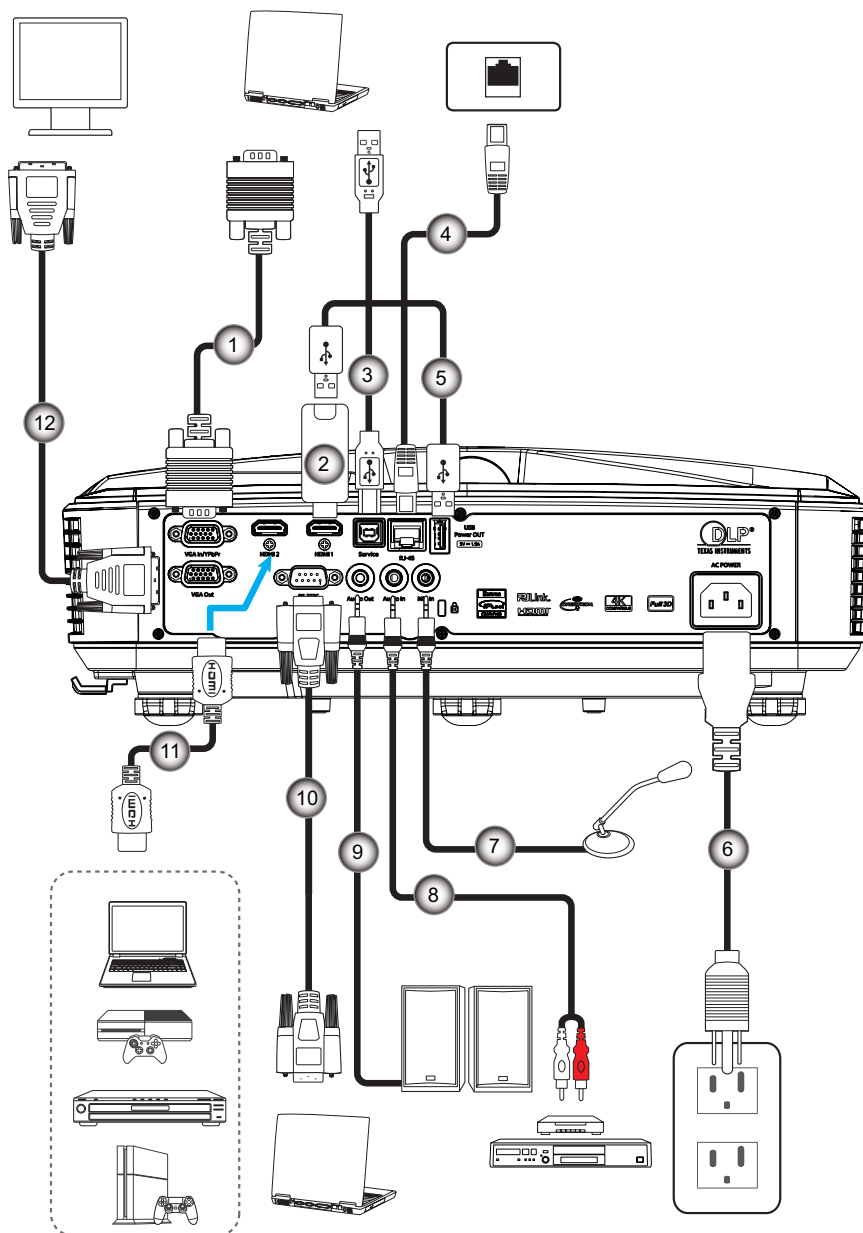
- Đảm bảo rằng các cửa hút không tái sử dụng khí nóng từ cửa thoát khí.
- Khi vận hành máy chiếu trong không gian kín, hãy đảm bảo rằng nhiệt độ không khí xung quanh bên trong vỏ bọc không vượt quá nhiệt độ hoạt động trong khi máy chiếu đang chạy và các cửa thoát và hút khí không bị cản trở.
- Tất cả các vỏ bọc phải vượt qua bài đánh giá nhiệt được chứng nhận để đảm bảo rằng máy chiếu không tái sử dụng khí thải, vì điều này có thể khiến thiết bị tắt ngay cả khi nhiệt độ vỏ bọc ở phạm vi nhiệt độ hoạt động chấp nhận được.

Lưu ý:

- Hỗ trợ chiếu phía trước, trần nhà và chiếu từ dưới lên.

THIẾT LẬP VÀ CÀI ĐẶT

Kết nối nguồn vào máy chiếu



STT	Mục
1.	Cáp VGA
2.	HDMI Dongle
3.	Cáp USB A đến B
4.	Cáp RJ45
5.	Cáp USB A đến A
6.	Dây nguồn

STT	Mục
7.	Cáp micrô
8.	Cáp Âm thanh vào
9.	Cáp Âm thanh ra
10.	Cáp RS232
11.	Cáp HDMI
12.	Cáp ra VGA

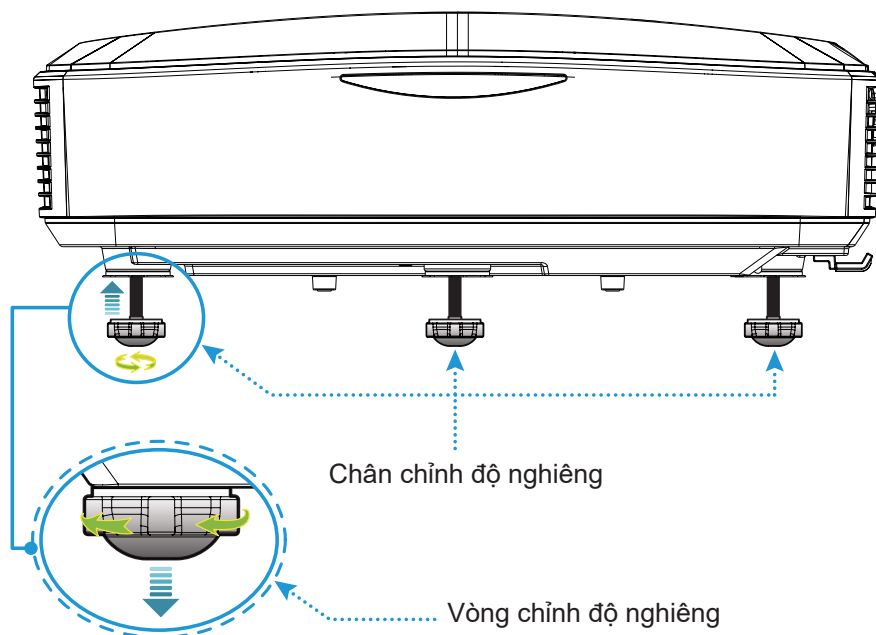
THIẾT LẬP VÀ CÀI ĐẶT

Điều chỉnh hình ảnh chiếu

Chiều cao hình ảnh

Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Đặt chân điều chỉnh bạn muốn chỉnh vào mặt dưới của máy chiếu.
2. Xoay chân điều chỉnh theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.

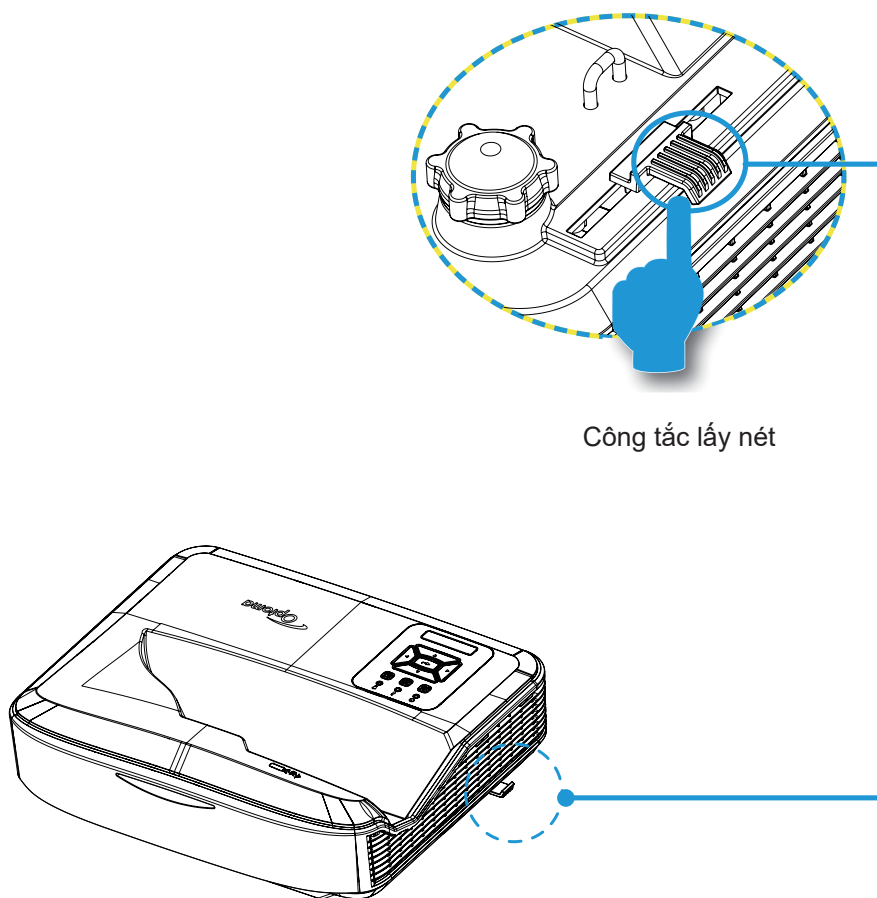


THIẾT LẬP VÀ CÀI ĐẶT

Điều chỉnh tiêu điểm của máy chiếu

Để lấy nét hình ảnh, hãy trượt công tắc lấy nét sang trái/phải cho đến khi hình ảnh nét.

- Máy chiếu sẽ lấy nét ở khách cách (thấu kính đến tường) từ 1,499 đến 1,913 feet (0,457 đến 0,583 m).



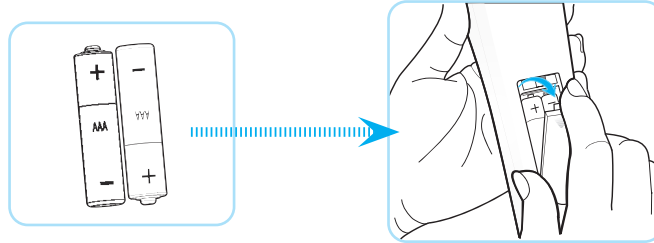
THIẾT LẬP VÀ CÀI ĐẶT

Thiết lập từ xa

Lắp đặt / thay thế pin

Hai pin cỡ AAA được cung cấp cho điều khiển từ xa.

1. Tháo nắp pin ở mặt sau của điều khiển từ xa.
2. Lắp pin AAA vào ngăn chứa pin như minh họa.
3. Thay nắp lưng trên điều khiển từ xa.



Lưu ý: Chỉ thay bằng cùng loại hoặc tương đương.

CHÚ Ý

Sử dụng pin không thích hợp có thể dẫn đến rò rỉ hóa chất hoặc cháy nổ. Hãy chắc chắn làm theo những chỉ dẫn dưới đây.

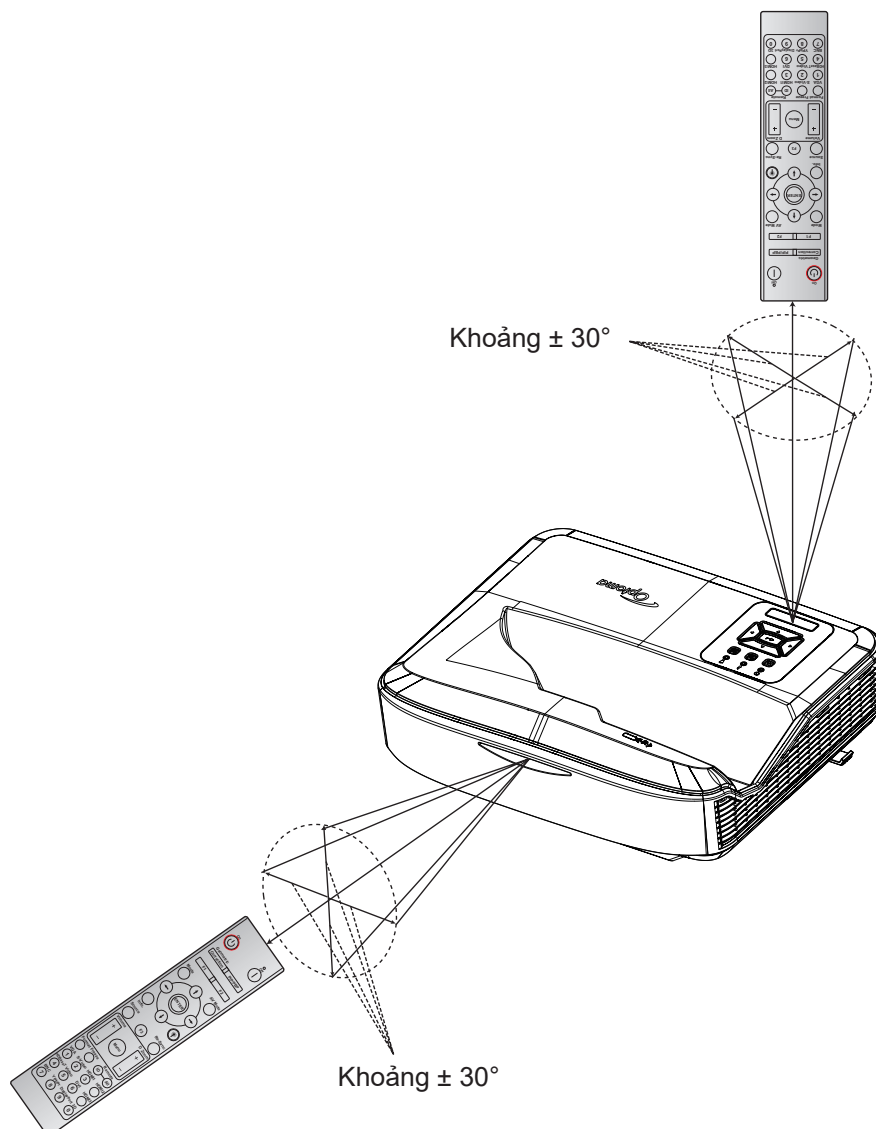
- Không trộn lẫn các loại pin khác nhau. Các loại pin khác nhau có các đặc tính khác nhau.
- Không trộn pin cũ với pin mới. Trộn pin cũ và pin mới có thể rút ngắn tuổi thọ của pin mới hoặc gây ra rò rỉ hóa chất ở pin cũ.
- Tháo pin ra ngay khi chúng cạn pin. Hóa chất rò rỉ ra từ pin khi tiếp xúc với da có thể gây ra bỏng rát. Nếu bạn thấy có bất kỳ rò rỉ hóa chất nào, hãy chùi sạch bằng vải.
- Pin được cung cấp với sản phẩm này có thể có tuổi thọ ngắn hơn mong đợi do điều kiện bảo quản.
- Nếu bạn không sử dụng điều khiển từ xa trong một thời gian dài, hãy tháo pin.
- Khi vứt bỏ pin, bạn phải tuân thủ luật pháp của khu vực hoặc quốc gia nơi bạn sống.

THIẾT LẬP VÀ CÀI ĐẶT

Phạm vi có hiệu lực

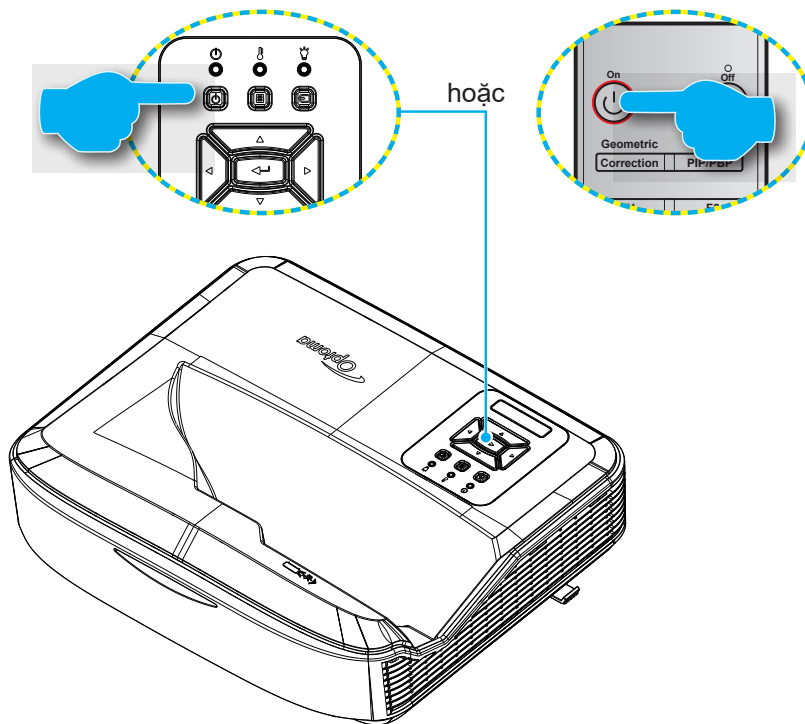
Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở phía trên của máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc trong khoảng 60 độ vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa IR của máy chiếu để hoạt động chính xác. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được dài hơn 12 mét (39,4 feet).

- Đảm bảo rằng không có vật cản nào giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo rằng bộ phát IR của điều khiển từ xa không bị ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang chiếu trực tiếp.
- Vui lòng để bộ điều khiển từ xa cách xa đèn huỳnh quang trên 2 m nếu không bộ điều khiển từ xa có thể không hoạt động được.
- Nếu điều khiển từ xa gần với đèn huỳnh quang Loại Biến tần, thì đôi khi nó có thể không hoạt động được.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu ở trong khoảng cách rất ngắn, điều khiển từ xa có thể không hoạt động được.
- Khi bạn nhắm vào màn hình, khoảng cách hiệu quả là nhỏ hơn 5 m tính từ điều khiển từ xa đến màn hình và phản xạ chùm tia hồng ngoại trở lại máy chiếu. Tuy nhiên, phạm vi hiệu quả có thể thay đổi tùy theo màn hình.




SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tắt / mở máy chiếu





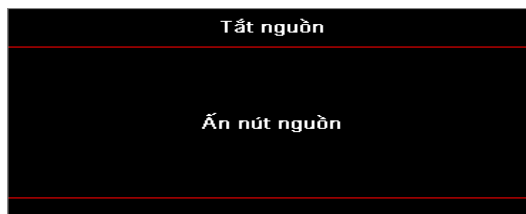
Bật nguồn






1. Kết nối chắc chắn dây nguồn và cáp tín hiệu / nguồn. Khi đã kết nối, ĐÈN Nguồn sẽ chuyển sang màu đỏ.
2. Bật máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.
3. Màn hình khởi động sẽ hiển thị sau khoảng 10 giây và đèn LED Nguồn sẽ nhấp nháy màu xanh lam.

Lưu ý: Lần đầu tiên bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc chọn ngôn ngữ ưu tiên, hướng chiếu và các cài đặt khác.

Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút  trên điều khiển từ xa.
2. Thông báo sau sẽ hiển thị:




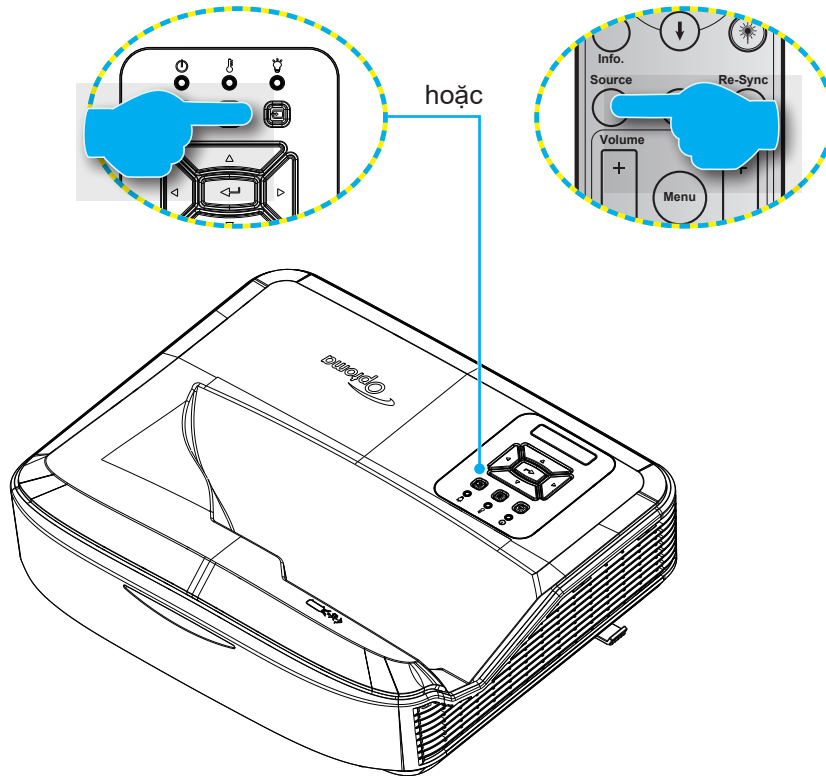
3. Nhấn lại nút  hoặc  để xác nhận, nếu không, thông báo sẽ biến mất sau 15 giây. Khi bạn nhấn nút  hoặc  lần thứ hai, máy chiếu sẽ tắt.
4. Quạt làm mát sẽ tiếp tục hoạt động trong khoảng 10 giây cho chu kỳ làm mát và đèn LED Nguồn sẽ nhấp nháy màu xanh lam. Khi Nguồn chuyển sang màu đỏ đồng nhất, điều này cho biết máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu bạn muốn bật lại máy chiếu, bạn phải đợi cho đến khi chu trình làm mát kết thúc và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút  để bật máy chiếu.
5. Ngắt dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

Lưu ý: Không nên bật máy chiếu ngay lập tức, ngay sau khi tắt nguồn.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chọn nguồn đầu vào



Bật máy và kết nối nguồn mà bạn muốn hiển thị trên màn hình, máy tính, máy tính xách tay, máy phát video, v.v.. Máy chiếu sẽ tự động phát hiện nguồn. Nếu nhiều nguồn được kết nối, nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút Nguồn trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.

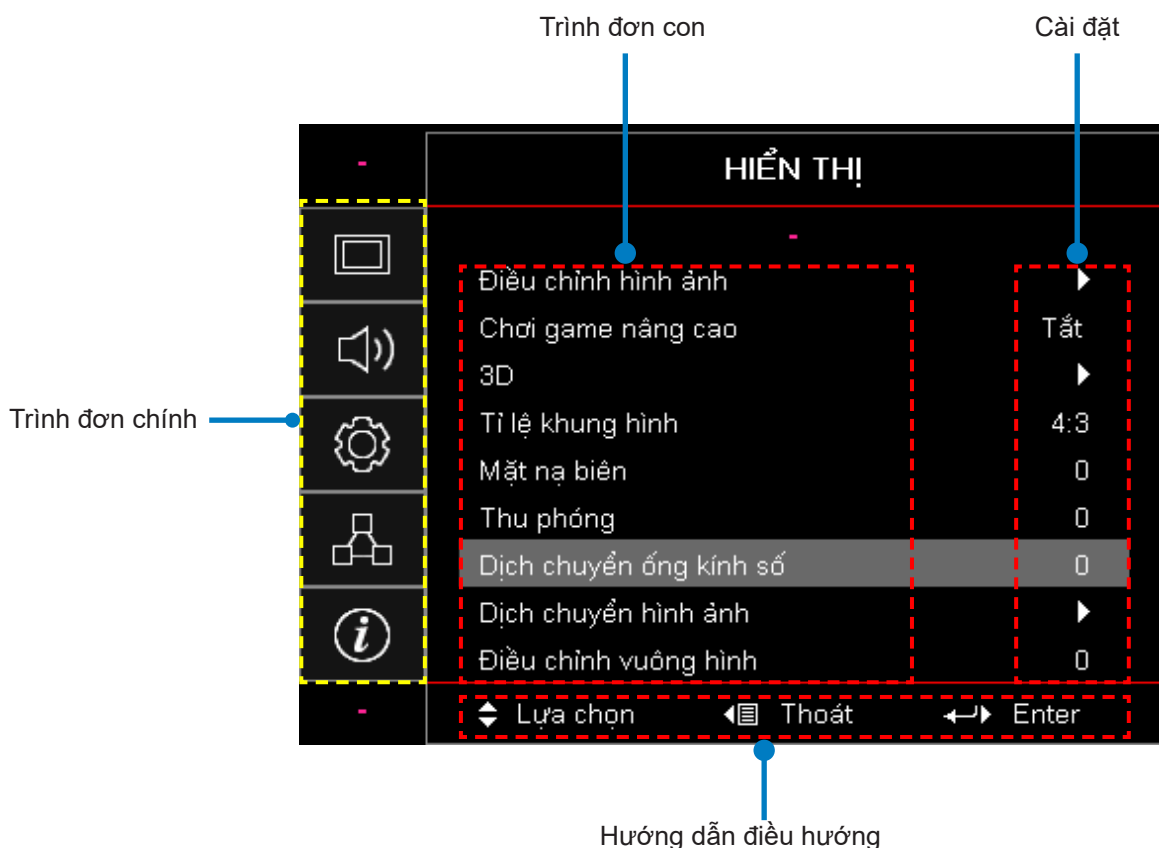


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Điều hướng menu (bảng chọn) và các tính năng

Máy chiếu có các trình đơn Hiển thị trên màn hình cho phép bạn điều chỉnh hình ảnh và thay đổi nhiều cài đặt. Máy chiếu sẽ tự động phát hiện nguồn.

1. Để mở menu OSD, nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút **Menu** trên điều khiển từ xa.
2. Khi OSD được hiển thị, sử dụng các nút **▲▼** để chọn bất kỳ mục nào trong trình đơn chính. Trong khi thực hiện lựa chọn trên một trang cụ thể, nhấn nút **←** trên bàn phím máy chiếu hoặc nút **Enter** trên điều khiển từ xa để vào menu phụ.
3. Sử dụng các phím **▲▼** để chọn mục mong muốn trong menu phụ rồi nhấn nút **←** hoặc nút **Enter** để xem các cài đặt khác. Điều chỉnh cài đặt bằng cách sử dụng các phím **◀▶**.
4. Chọn mục được điều chỉnh tiếp theo trong trình đơn con và điều chỉnh như mô tả ở trên.
5. Nhấn nút **←** hoặc nút **Enter** để xác nhận và màn hình sẽ trở lại menu chính.
6. Để thoát, nhấn lại nút  hoặc nút **Menu**. Trình đơn OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cây menu OSD

Trình đơn chính	Trình đơn con	Trình đơn con 2	Trình đơn con 3	Trình đơn con 4	Giá trị	
Hiển thị	Cài đặt hình ảnh	Chế độ hiển thị			Chế độ trình diễn	
					Sáng	
					HDR	
					HLG	
					Rạp chiếu phim	
					sRGB	
					DICOM SIM.	
					Trộn	
					Người sử dụng	
					3D	
		Màu tường				Tắt [Chế độ mặc định]
						Bảng đen
						Vàng nhạt
						Màu xanh lục nhạt
						Xanh dương nhạt
						Hồng
						Màu xám
		Dải động		HDR/HLG		Tắt
				Chế độ hình ảnh HDR		Tự động [Chế độ mặc định]
						Sáng
						Tiêu chuẩn [Chế độ mặc định]
						Phim
				Chế độ hình ảnh HLG		Chi tiết
						Sáng
						Tiêu chuẩn [Chế độ mặc định]
						Phim
						Chi tiết
			Độ sáng			-50 ~ 50
			Độ tương phản			-50 ~ 50
			Độ sắc nét			1 ~ 15
			Màu sắc			-50 ~ 50
			Sắc thái			-50 ~ 50





SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Trình đơn chính	Trình đơn con	Trình đơn con 2	Trình đơn con 3	Trình đơn con 4	Giá trị		
Hiển thị	Cài đặt hình ảnh	Gamma	Phim				
			Video				
			Đồ họa				
			Tiêu chuẩn (2.2)				
			1,8				
			2,0				
			2,4				
			2,6				
		Cài đặt màu sắc	BrilliantColor™			1 ~ 10	
				Nhiệt độ màu		Ấm	
						Tiêu chuẩn	
						Mát	
					Lạnh		
			Khớp màu	Màu sắc		R [Chế độ mặc định]	
						G	
						B	
						C	
						Y	
						M	
						W	
					Thuộc tính màu	-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]	
					Độ bão hòa	-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]	
					Độ lợi	-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]	
					Thiết lập lại	Hủy [Chế độ mặc định] Có	
					Thoát		
				Tăng cường/Lệch RGB		Độ lợi đỏ	-50 ~ 50
						Độ lợi xanh lục	-50 ~ 50
					Độ lợi xanh dương	-50 ~ 50	
					Xu hướng đỏ	-50 ~ 50	
					Xu hướng xanh lục	-50 ~ 50	
					Xu hướng xanh lam	-50 ~ 50	
					Cài đặt lại	Hủy [Chế độ mặc định] Có	
					Thoát		
			Không gian màu [Không phải đầu vào HDMI]			Tự động [Chế độ mặc định]	
						RGB	
						YUV	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Trình đơn chính	Trình đơn con	Trình đơn con 2	Trình đơn con 3	Trình đơn con 4	Giá trị		
Hiển thị	Điều chỉnh hình ảnh	Cài đặt màu sắc	Không gian màu [Đầu vào HDMI]		Tự động [Chế độ mặc định]		
					RGB (0 ~ 255)		
					RGB (16 ~ 235)		
					YUV		
		Tín hiệu	Tự động				Tắt
							Bật [Chế độ mặc định]
				Tần số			-50 ~ 50 (phụ thuộc vào tín hiệu) [Chế độ mặc định: 0]
				Pha			0 ~ 31 (phụ thuộc vào tín hiệu) [Chế độ mặc định: 0]
				Vị trí.Ngang			-50 ~ 50 (phụ thuộc vào tín hiệu) [Chế độ mặc định: 0]
				Vị trí.Dọc			-50 ~ 50 (phụ thuộc vào tín hiệu) [Chế độ mặc định: 0]
		Chế độ sáng	Mức đen động				Tắt/Bật (0 ~ 70%)
				Eco.			
				Công suất cố định			100% ~ 20%, 5% mỗi bước [Chế độ mặc định: 100%]
				Độ chói không đổi			85% ~ 30%, 5% mỗi bước
		Cài đặt lại					
	Chơi game năng cao					Bật	
						Tắt [Chế độ mặc định]	
	3D	Chế độ 3D				Tắt	
						Bật [Chế độ mặc định]	
		Công nghệ 3D					Kết nối DLP [Chế độ mặc định]
							Tắt
		3D → 2D					3D [Chế độ mặc định]
							L
							R
		Định dạng 3D					Tự động [Chế độ mặc định]
							SBS
							Top and Bottom
							Frame Sequential
		Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D					Bật
							Tắt [Chế độ mặc định]
		Cài đặt lại					Hủy [Chế độ mặc định]
							Có
	Tỉ lệ màn hình					4:3	
						16:9	
						16:10	
						LBX	
						Tự nhiên	
						Tự động [Chế độ mặc định]	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Trình đơn chính	Trình đơn con	Trình đơn con 2	Trình đơn con 3	Trình đơn con 4	Giá trị		
Hiển thị	Mặt nạ biên				0 ~ 10 [Chế độ mặc định: 0]		
	Thu phóng				-5 ~ 25 [Chế độ mặc định: 0]		
	Dịch chuyển ống kính kỹ thuật số	V			-30 ~ 30 [Chế độ mặc định: 0]		
	Dịch chuyển hình ảnh	H			-100 ~ 100 [Chế độ mặc định: 0]		
		V			-100 ~ 100 [Chế độ mặc định: 0]		
	Hiệu chỉnh hình học	Điều chỉnh bốn góc					
		H chỗ chủ yếu			-40 ~ 40 bước (-10 ~ 10 độ) [Chế độ mặc định: 0]		
Chỉnh hình chiều dọc				-40 ~ 40 bước (-10 ~ 10 độ) [Chế độ mặc định: 0]			
Cài đặt lại							
Thanh	Cài đặt âm thanh				Tự động [Chế độ mặc định]		
					tích hợp loa		
					Ngõ ra âm thanh		
	Tắt tiếng				Tắt [Chế độ mặc định]		
					Bật		
	Micrô				Tắt		
				Bật [Chế độ mặc định]			
Âm lượng				0 ~ 10 [Chế độ mặc định: 5]			
Âm lượng micrô				0 ~ 10 [Chế độ mặc định: 5]			
Cài đặt	Trình chiếu				Trước  [Chế độ mặc định]		
					Phía sau 		
					Trên 		
					Mặt sau 		
	Loại màn chiếu				16:9		
					16:10 [Chế độ mặc định]		
	Cài đặt bộ lọc	Thời gian sử dụng bộ lọc				(chỉ đọc)	
						Có	
		Bộ lọc tùy chọn được thiết lập				Không [Chế độ mặc định]	
						Tắt	
			Nhắc nhở bộ lọc				300 giờ
							500 giờ [Chế độ mặc định]
						800 giờ	
				1000 giờ			
	Thiết lập lại bộ lọc				Hủy [Chế độ mặc định]		
				Có			
Cài đặt nguồn	Bật nguồn trực tiếp				Tắt [Chế độ mặc định]		
					Bật		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Trình đơn chính	Trình đơn con	Trình đơn con 2	Trình đơn con 3	Trình đơn con 4	Giá trị
Cài đặt	Cài đặt nguồn	Bật nguồn điện			Tắt [Chế độ mặc định]
					Bật
		Tắt nguồn (phút)			0 ~ 180 (tăng 1 phút) [Chế độ mặc định: 20]
		Hẹn giờ tắt máy (phút)	Luôn mở		0 ~ 990 (tăng 30 phút) [Chế độ mặc định: 0]
					Không [Chế độ mặc định]
		Chế độ nguồn (Chế độ chờ)			Có
				Tích cực	
	Bảo mật	Bảo mật			Bật
					Tắt [Chế độ mặc định]
		Bộ đếm thời gian an toàn	Tháng		
			Ngày		
		Giờ			
		Đổi mật khẩu			
	Cài đặt liên kết HDMI	Liên kết HDMI			Tắt
					Bật
		Bao gồm TV			STT
					Có
		Liên kết bật nguồn			Qua lại
					PJ → Thiết bị
					Thiết bị → PJ
		Liên kết tắt nguồn			Tắt
				Bật	
	Mẫu thử				Lưới xanh lục
					Lưới màu đỏ tươi
					Lưới trắng
					Trắng
					Tắt [Chế độ mặc định]
	Thiết lập điều khiển [phụ thuộc vào điều khiển từ xa]	Chức năng IR			Bật [Chế độ mặc định]
					Tắt
		Mã từ xa			00 ~ 99

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Trình đơn chính	Trình đơn con	Trình đơn con 2	Trình đơn con 3	Trình đơn con 4	Giá trị		
Cài đặt	Thiết lập điều khiển [phụ thuộc vào điều khiển từ xa]	F1			Mẫu thử		
					Độ sáng		
					Độ tương phản		
					Hẹn giờ tắt máy		
					Khớp màu		
					Mức độ màu		
					Gamma		
					Trình chiếu		
					Dịch chuyển ống kính kỹ thuật số [Mặc định]		
		F2			Mẫu thử		
					Độ sáng [Chế độ mặc định]		
					Độ tương phản		
					Hẹn giờ tắt máy		
					Khớp màu		
					Mức độ màu		
					Gamma		
					Trình chiếu		
					Dịch chuyển ống kính kỹ thuật số		
		F3			Mẫu thử		
					Độ sáng		
					Độ tương phản		
					Hẹn giờ tắt máy [Chế độ mặc định]		
					Khớp màu		
					Mức độ màu		
					Gamma		
					Trình chiếu		
					Dịch chuyển ống kính kỹ thuật số		
		Mã nhận dạng (ID)					00 ~ 99

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Trình đơn chính	Trình đơn con	Trình đơn con 2	Trình đơn con 3	Trình đơn con 4	Giá trị			
Cài đặt	Tùy chọn	Ngôn ngữ			English [Mặc định]			
					Deutsch			
					Français			
					Italiano			
					Español			
					Português			
					Polski			
					Nederlands			
					Svenska			
					Norsk/Dansk			
					Suomi			
					ελληνικά			
					繁體中文			
					簡體中文			
					日本語			
					한국어			
					Русский			
					Magyar			
					Čeština			
					عربي			
					ไทย			
					Türkçe			
				فارسی				
				Tiếng Việt				
				Bahasa Indonesia				
				Română				
				Slovenčina				
			Cài đặt menu (danh mục)	Vị trí menu			Trên cùng bên trái <input type="checkbox"/>	
								Trên cùng bên phải <input type="checkbox"/>
								Trung tâm <input type="checkbox"/> [Mặc định]
								Dưới bên trái <input type="checkbox"/>
								Dưới bên phải <input type="checkbox"/>
			Nguồn tự động	Menu hẹn giờ			Tắt	
						5 giây		
						10 giây [Chế độ mặc định]		
					Tắt [Chế độ mặc định]			
					Bật			

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Trình đơn chính	Trình đơn con	Trình đơn con 2	Trình đơn con 3	Trình đơn con 4	Giá trị	
Cài đặt	Tùy chọn	Nguồn tín hiệu vào			HDMI 1	
					HDMI 2	
					VGA	
		Nhập tên	HDMI 1			Chế độ mặc định [Chế độ mặc định]
						Tùy chỉnh
			HDMI 2			Chế độ mặc định [Chế độ mặc định]
						Tùy chỉnh
			VGA			Chế độ mặc định [Chế độ mặc định]
						Tùy chỉnh
		Điều chỉnh tốc độ quạt				Tắt [Chế độ mặc định]
						Bật
		Khóa chế độ hiển thị				Tắt [Chế độ mặc định]
						Bật
		Khóa bàn phím				Tắt [Chế độ mặc định]
						Bật
		Âm thông tin				Tắt [Chế độ mặc định]
						Bật
		Biểu tượng				Chế độ mặc định [Chế độ mặc định]
						Trung lập
						Người sử dụng
		Màu nền				None
						Xanh lam [Mặc định]
						Đỏ
						Xanh
						Màu xám
						Biểu tượng
		Cài đặt HDMI	Lời nhắc EDID			Tắt
						Bật [Chế độ mặc định]
			HDMI 1 EDID			1.4 [Chế độ mặc định]
						2,0
			HDMI 2 EDID			1,4
						2.0 [Chế độ mặc định]
Cài đặt lại	Đặt lại OSD			Hủy [Chế độ mặc định]		
				Có		
	Đặt lại về mặc định			Hủy [Chế độ mặc định]		
				Có		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Trình đơn chính	Trình đơn con	Trình đơn con 2	Trình đơn con 3	Trình đơn con 4	Giá trị
Mạng	LAN	Tình trạng mạng			(chỉ đọc)
		Địa chỉ MAC			(chỉ đọc)
		DHCP			Tắt [Chế độ mặc định]
					Bật
		Địa chỉ IP			192.168.0.100 [Chế độ mặc định]
		Subnet mask			255.255.255.0 [Chế độ mặc định]
		Gateway			192.168.0.254 [Chế độ mặc định]
		DNS			192.168.0.51 [Chế độ mặc định]
	Cài đặt lại				
	Điều khiển	Crestron			Tắt
					Bật [Chế độ mặc định] Lưu ý: Cổng 41794
		Extron			Tắt
					Bật [Chế độ mặc định] Lưu ý: Cổng 2023
		PJ Link			Tắt
					Bật [Chế độ mặc định] Lưu ý: Cổng 4352
		AMX Device Discovery			Tắt
				Bật [Chế độ mặc định] Lưu ý: Cổng 9131	
Telnet			Tắt		
			Bật [Chế độ mặc định] Lưu ý: Cổng 23		
HTTP			Tắt		
			Bật [Chế độ mặc định] Lưu ý: Cổng 80		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Trình đơn chính	Trình đơn con	Trình đơn con 2	Trình đơn con 3	Trình đơn con 4	Giá trị
Thông tin	Điều chỉnh				
	Số seri				
	Nguồn				
	Độ phân giải				00x00
	Tốc độ làm mới				0,00 Hz
	Chế độ hiển thị				
	Chế độ nguồn điện				
	Giờ nguồn sáng				
	Mã từ xa				00 ~ 99
	Mã từ xa (Hoạt động)				00 ~ 99
	Tình trạng mạng				
	Địa chỉ IP				
	Mã nhận dạng (ID)				00 ~ 99
	Thời gian sử dụng bộ lọc				
	Chế độ sáng				
	Phiên bản FW	Hệ thống			
LAN					
MCU					

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hiển thị

Hiển thị menu cài đặt hình ảnh

Chế độ hiển thị

Có nhiều cài đặt sẵn được tối ưu hóa cho nhiều loại hình ảnh khác nhau.

- **Chế độ trình diễn:** Chế độ này phù hợp để hiển thị trước công chúng khi kết nối với PC (máy tính).
- **Sáng:** Độ sáng tối đa từ đầu vào máy tính.
- **HDR / HLG:** Giải mã nội dung Dải động cao (HDR) / Gamma bản ghi kết hợp (HLG). Chế độ này sẽ tự động được bật nếu HDR / HLG được đặt thành Tự động (và Nội dung HDR / HLG được gửi tới máy chiếu - 4K UHD Blu-ray, 1080p / 4K UHD HDR / HLG Games, 4K UHD Phát trực tuyến Video). Trong khi chế độ HDR / HLG đang hoạt động, không thể chọn các chế độ hiển thị khác (Rạp chiếu phim, Tham khảo, v.v.) vì HDR / HLG mang lại màu sắc có độ chính xác cao, vượt quá hiệu suất màu của các chế độ hiển thị khác.

Lưu ý: Khi EDID 2.0 được chọn, HDMI 1/2 có thể hỗ trợ định dạng HDR / HLG.

- **Rạp chiếu phim:** Mang lại màu sắc tốt nhất để xem phim.
- **sRGB:** Màu chính xác được chuẩn hóa.
- **DICOM SIM.:** Chế độ này có thể chiếu hình ảnh y tế đơn sắc như chụp X quang tia X, MRI, v.v.
- **Trộn:** Chế độ video thích hợp cho ứng dụng trộn.
- **Người sử dụng:** Cài đặt của người dùng.
- **3D:** Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính 3D, đảm bảo PC / thiết bị di động của bạn có thể đồ họa có đệm quad đầu ra tín hiệu 120 Hz và đã cài đặt trình phát 3D.

Màu tường

Sử dụng chức năng này để có được hình ảnh màn hình tối ưu phù hợp với màu tường. Chọn giữa tắt, bảng đen, vàng nhạt, xanh lục nhạt, xanh lam nhạt, hồng và xám.

Dải động

Định cấu hình cài đặt Dải động cao (HDR) / Gamma bản ghi kết hợp (HLG) và hiệu ứng của nó khi hiển thị video từ đầu phát Blu-ray 4K và thiết bị phát trực tuyến.

Lưu ý: Chỉ HDMI hỗ trợ chức năng Dải động.

► HDR/HLG

- **Tắt:** Tắt Xử lý HDR / HLG. Khi được đặt thành Tắt, máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR / HLG.
- **Tự động:** Tự động phát hiện tín hiệu HDR / HLG.

► Chế độ hình ảnh HDR / Chế độ hình ảnh HLG

- **Sáng:** Chọn chế độ này để có màu sắc bão hòa sáng hơn.
- **Tiêu chuẩn:** Chọn chế độ này để có màu sắc trông tự nhiên với sự cân bằng giữa các tông màu ấm và lạnh.
- **Phim:** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét của hình ảnh.
- **Chi tiết:** Tín hiệu đến từ chuyển đổi OETF để đạt được màu sắc phù hợp nhất.

Lưu ý:

- **Chế độ hình ảnh HDR** điều chỉnh hiệu ứng hiển thị HDR khi tín hiệu đầu vào là HDR. Tương tự, **Chế độ hình ảnh HLG** điều chỉnh hiệu ứng kết xuất HLG khi tín hiệu đầu vào là HLG.
- Tùy chọn **Chế độ hình ảnh HDR** chỉ khả dụng khi tín hiệu đầu vào là HDR và tùy chọn **Chế độ hình ảnh HLG** sẽ chuyển sang màu xám và ngược lại.

Độ sáng

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Độ tương phản

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

Độ sắc nét

Điều chỉnh độ nét của hình ảnh.

Màu sắc

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

Sắc thái

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

Gamma

Thiết lập kiểu đường cong gamma. Sau khi hoàn tất thiết lập ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh Gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- **Phim:** Dành cho rạp hát tại nhà.
- **Video:** dành cho nguồn video hoặc TV.
- **Đồ họa:** Đối với PC / Nguồn ảnh.
- **Tiêu chuẩn (2.2):** Đối với cài đặt tiêu chuẩn hóa.
- **1.8 / 2.0 / 2.4 / 2.6:** Đối với PC / Nguồn ảnh cụ thể.

Lưu ý: Các tùy chọn này chỉ khả dụng nếu:

- chức năng chế độ 3D bị tắt.
- Cài đặt **màu tường** không được đặt thành **Bảng đen**.
- Cài đặt **chế độ hiển thị** không được đặt thành **DICOM SIM**, **HDR** hoặc **HLG**.

Cài đặt màu sắc

Cấu hình thiết lập màu.

- **BrilliantColor™:** Mục điều chỉnh này sử dụng một thuật toán xử lý màu mới và cải tiến để cho phép độ sáng cao hơn trong khi cung cấp màu sắc thật sự sôi động trong hình.
- **Nhiệt độ màu:** Chọn nhiệt độ màu từ Ấm, Chuẩn, Mát hoặc Lạnh.
- **Khớp màu:** Chọn các tùy chọn sau:
 - Màu sắc: Điều chỉnh mức đỏ (R), xanh lục (G), đen (B), lục lam (C), vàng (Y), đỏ tươi (M) và trắng (W) của hình ảnh.
 - Thuộc tính màu: Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.
 - Độ bão hòa: Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.
 - Độ lợi: Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.
 - Thiết lập lại: Trở về cài đặt mặc định của nhà sản xuất để khớp màu.
 - Thoát: Thoát khỏi menu "Khớp màu".
- **Tăng cường/Lệch RGB:** Cài đặt này cho phép định cấu hình độ sáng (độ lợi) và độ tương phản (độ lệch) của hình ảnh.
 - Thiết lập lại: Trở lại cài đặt mặc định của nhà sản xuất cho độ lợi / độ lệch RGB.
 - Thoát: Thoát khỏi menu "Độ lợi / Độ lệch RGB".
- **Không gian màu (chỉ với đầu vào không phải HDMI):** Chọn một loại ma trận màu thích hợp từ các tùy chọn sau: Tự động, RGB, hoặc YUV.
- **Không gian màu (chỉ với đầu vào HDMI):** chọn một loại ma trận màu thích hợp từ các tùy chọn sau: Tự động, RGB (0 - 255), RGB (16 - 235), và YUV.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tín hiệu

Điều chỉnh các tùy chọn tín hiệu.

- **Tự động:** Tự động định cấu hình tín hiệu (các mục tần số và pha bị chuyển sang màu xám). Nếu tính năng tự động bị tắt, các mục tần số và pha sẽ xuất hiện để điều chỉnh và lưu cài đặt.
- **Tần số:** Thay đổi tần số dữ liệu hiển thị để phù hợp với tần suất của thẻ đồ họa trên máy tính của bạn. Chỉ sử dụng chức năng này nếu hình ảnh nhấp nháy theo chiều dọc.
- **Pha:** Đồng bộ hóa định giờ tín hiệu của màn hình với card đồ họa. Nếu hình ảnh xuất hiện không ổn định hoặc nhấp nháy, sử dụng chức năng này để điều chỉnh.
- **Vị trí.Ngang:** Điều chỉnh vị trí ngang của hình ảnh.
- **Vị trí.Dọc:** Điều chỉnh vị trí dọc của hình ảnh.

Lưu ý: Menu này chỉ khả dụng nếu nguồn đầu vào là RGB / Component.

Chế độ sáng

Điều chỉnh cài đặt chế độ sáng.

- **Màu đen động:** Sử dụng để tự động điều chỉnh độ sáng hình ảnh nhằm mang lại hiệu suất tương phản tối ưu.
- **Eco.:** Chọn "Eco" để giảm độ sáng nguồn sáng máy chiếu và việc này sẽ làm giảm mức tiêu thụ điện và kéo dài tuổi thọ của nguồn sáng.
- **Công suất cố định:** Chọn phần trăm năng lượng cho chế độ sáng.
- **Độ sáng không đổi:** Độ chói không đổi thay đổi cường độ của độ chói LD để độ sáng duy trì phù hợp với thời gian.

Cài đặt lại

Trở về cài đặt mặc định của nhà sản xuất cho cài đặt màu.

Hiển thị menu trò chơi nâng cao

Trò chơi nâng cao

Sử dụng chức năng này để bật / tắt hệ thống nhằm giảm thời gian phản hồi (độ trễ đầu vào) trong khi chơi game.

- **Bật:** Giảm độ trễ của hình ảnh có thể hiển thị hình ảnh đồng thời.
- **Tắt:** Mà không làm giảm độ trễ.

Lưu ý: Khi chức năng Trò chơi nâng cao được bật, Keystone, 4 góc, Tỷ lệ khung hình, Thu phóng, 3D và Loại màn hình sẽ không khả dụng.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Hiển thị menu 3D

Lưu ý:

- Máy chiếu này là máy chiếu 3D sẵn sàng với giải pháp DLP-Link 3D.
- Hãy đảm bảo rằng kính 3D của bạn được sử dụng cho DLP-Link 3D trước khi thưởng thức video của bạn.
- Máy chiếu này hỗ trợ 3D tuần tự khung hình (lật trang) qua cổng HDMI1 / HDMI2 / VGA.
- Để bật chế độ 3D, tốc độ khung hình đầu vào chỉ nên được đặt thành 60 Hz, tốc độ khung hình thấp hơn hoặc cao hơn không được hỗ trợ.
- Để đạt được hiệu suất tốt nhất, bạn nên sử dụng độ phân giải 1920 x 1080, xin lưu ý rằng độ phân giải 4K (3840 x 2160) không được hỗ trợ ở chế độ 3D.

Chế độ 3D

Sử dụng tùy chọn này để tắt hoặc bật chức năng 3D.

- **Tắt:** Chọn “Tắt” để tắt chế độ 3D.
- **Bật:** Chọn “Bật” để bật chế độ 3D.

Công nghệ 3D

Sử dụng tùy chọn này để chọn công nghệ 3D.

- **Kết nối DLP:** Chọn để sử dụng cài đặt được tối ưu hóa cho Kính 3D DLP.
- **Tắt:** Tắt chức năng DLP-Link.

3D → 2D

Sử dụng tùy chọn này để chỉ định cách nội dung 3D hiển thị trên màn hình.

- **3D:** Hiển thị tín hiệu 3D.
- **L (Trái):** Hiển thị khung bên trái của nội dung 3D.
- **R (Phải):** Hiển thị khung bên phải của nội dung 3D.

Định dạng 3D

Sử dụng tùy chọn này để chọn nội dung định dạng 3D thích hợp.

- **Tự động:** Khi d thấy tín hiệu nhận dạng 3D, định dạng 3D được chọn tự động.
- **SBS:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Side-by-Side”.
- **Top and Bottom:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Top and Bottom”.
- **Frame Sequential:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Frame Sequential”.

Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D

Sử dụng tùy chọn này để bật / tắt chức năng đảo ngược đồng bộ hóa 3D.

Cài đặt lại

Trở về cài đặt mặc định ban đầu cho cài đặt 3D.

- **Hủy:** Chọn để hủy Đặt lại.
- **Có:** Chọn để trở về cài đặt mặc định ban đầu cho 3D.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Hiển thị menu tỷ lệ khung hình

Tỷ lệ màn hình

Chọn tỷ lệ khung hình của hình ảnh được hiển thị giữa các tùy chọn sau:

- **4:3:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 4:3.
- **16:9:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:9, như HDTV và DVD tăng cường cho TV màn hình rộng.
- **16:10** (chỉ dành cho mẫu WUXGA): Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:10, như máy tính xách tay màn hình rộng.
- **LBX:** Định dạng này dành cho nguồn hộp thư không phải 16 x 9 và nếu bạn sử dụng thấu kính lắp ngoài 16 x 9 để hiển thị tỷ lệ màn hình 2,35:1 ở độ phân giải đầy đủ.
- **Tự nhiên:** Định dạng này hiển thị hình ảnh gốc mà không thu phóng.
- **Tự động:** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.

Lưu ý:

- Thông tin chi tiết về chế độ LBX:
 - Một số DVD Định dạng Hộp Thư không được cải tiến cho TV 16 x 9. Trong tình huống này, hình ảnh sẽ không đẹp khi hiển thị hình ảnh ở chế độ 16:9. Trong trường hợp này, hãy thử sử dụng chế độ 4:3 để xem DVD. Nếu nội dung không phải là 4:3, sẽ có các thanh màu đen xung quanh hình ảnh ở chế độ hiển thị 16:9. Đối với loại nội dung này, bạn có thể sử dụng chế độ LBX để lấp đầy hình ảnh trên màn hình 16:9.
 - Nếu bạn sử dụng ống kính anamorphic bên ngoài, chế độ LBX này cũng cho phép bạn xem nội dung 2,35:1 (bao gồm nguồn phim Anamorphic DVD và HDTV) hỗ trợ góc rộng anamorphic được tăng cường cho hiển thị 16 x 9 ở hình ảnh rộng 2,35:1. Trong trường hợp này, không có thanh màu đen nào. Năng lượng nguồn sáng và độ phân giải dọc được tận dụng tối đa.

Bảng tỷ lệ WUXGA cho 1920 x 1200 DMD (loại màn hình 16:10):

Lưu ý:

- Màn hình hỗ trợ loại 16:10 (1920 x 1200), 16:9 (1920 x 1080).
- Khi loại màn hình là 16:9, định dạng 16 x 10 sẽ không khả dụng.
- Khi loại màn hình là 16:10, định dạng 16 x 9 sẽ không khả dụng.
- Nếu bạn chọn tùy chọn tự động thì chế độ hiển thị cũng sẽ tự động được thay đổi.

Màn hình 16:10	480i/p	576i/p	1080i/p	720p	Máy tính
4 x 3	Tỷ lệ đến 1600 x 1200.				
16 x 9	Tỷ lệ đến 1920 x 1080.				
16 x 10	Tỷ lệ đến 1920 x 1200.				
LBX	Chia tỷ lệ thành 1920 x 1440, sau đó lấy hình ảnh 1920 x 1200 trung tâm để hiển thị.				
Chế độ góc	- ánh xạ giữa 1:1. - Nếu không có tỷ lệ được lựa chọn; hình ảnh được hiển thị với độ phân giải dựa trên nguồn đầu vào.				
Tự động	- Nếu định dạng này được chọn, Loại màn hình sẽ tự động trở thành 16:10 (1920 x 1200). - Nếu nguồn là 4:3, loại màn hình sẽ được chia tỷ lệ thành 1600 x 1200. - Nếu nguồn là 16:9, loại màn hình sẽ được chia tỷ lệ thành 1920 x 1080. - Nếu nguồn là 16:10, loại màn hình sẽ được chia tỷ lệ thành 1920 x 1200.				

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Quy tắc ánh xạ tự động WUXGA (loại màn hình 16:10):

Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Tỉ lệ	
	Độ phân giải H	Độ phân giải V	1920	1200
4:3	640	480	1600	1200
	800	600	1600	1200
	1024	768	1600	1200
	1280	1024	1600	1200
	1400	1050	1600	1200
	1600	1200	1600	1200
Máy tính xách tay có màn hình rộng	1280	720	1920	1080
	1280	768	1920	1152
	1280	800	1920	1200
SDTV	720	576	1350	1080
	720	480	1620	1080
HDTV	1280	720	1920	1080
	1920	1080	1920	1080

Bảng tỷ lệ WUXGA (loại màn hình 16:9):

Màn hình 16:10	480i/p	576i/p	1080i/p	720p	Máy tính
4 x 3	Tỷ lệ đến 1440 x 1080.				
16 x 9	Tỷ lệ đến 1920 x 1080.				
LBX	Chia tỷ lệ thành 1920 x 1440, sau đó lấy hình ảnh 1920 x 1080 trung tâm để hiển thị.				
Chế độ gốc	<ul style="list-style-type: none"> ánh xạ giữa 1:1. Nếu không có tỷ lệ được lựa chọn; hình ảnh được hiển thị với độ phân giải dựa trên nguồn đầu vào. 				
Tự động	<ul style="list-style-type: none"> Nếu định dạng này được chọn, Loại màn hình sẽ tự động trở thành 16:9 (1920 x 1080). Nếu nguồn là 4:3, loại màn hình sẽ được chia tỷ lệ thành 1440 x 1080. Nếu nguồn là 16:9, loại màn hình sẽ được chia tỷ lệ thành 1920 x 1080. Nếu nguồn là 16:10, loại màn hình sẽ được chia tỷ lệ thành 1920 x 1200 và cắt vùng 1920 x 1080 để hiển thị. 				

Quy tắc ánh xạ tự động WUXGA (loại màn hình 16:9):

Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Tỉ lệ	
	Độ phân giải H	Độ phân giải V	1920	1080
4:3	640	480	1440	1080
	800	600	1440	1080
	1024	768	1440	1080
	1280	1024	1440	1080
	1400	1050	1440	1080
	1600	1200	1440	1080
Máy tính xách tay có màn hình rộng	1280	720	1920	1080
	1280	768	1800	1080
	1280	800	1728	1080
SDTV	720	576	1350	1080
	720	480	1620	1080

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Tỉ lệ	
	Độ phân giải H	Độ phân giải V	1920	1080
HDTV	1280	720	1920	1080
	1920	1080	1920	1080

Hiện thị menu mặt nạ cạnh

Mặt nạ biên

Sử dụng chức năng này để loại bỏ nhiễu mã hóa video ở rìa nguồn video.

Hiện thị menu thu phóng

Thu phóng

Sử dụng để thu nhỏ hoặc phóng to hình ảnh trên màn hình chiếu.

Hiện thị menu thay đổi ống kính kỹ thuật số

Dịch chuyển ống kính kỹ thuật số

Dịch chuyển thấu kính kỹ thuật số chỉ khả dụng với loại màn hình 16:9. Vùng hiển thị di chuyển về phía trước giữa giới hạn trên và dưới của vùng điều chỉnh ở vị trí thẳng đứng tương tự như dịch chuyển ống kính thực.

Hiện thị menu thay đổi hình ảnh

Dịch chuyển hình ảnh

Điều chỉnh thu phóng để làm cho hình ảnh được chiếu nhỏ hơn cho đến khi bạn có thể nhìn thấy tất cả bốn góc, sau đó điều chỉnh vị trí hình ảnh được chiếu theo chiều ngang (H) hoặc theo chiều dọc (V). Dịch chuyển hình ảnh chỉ khả dụng với loại màn hình 16: 9 và thu phóng > 0.

Hiện thị menu sửa hình học

Điều chỉnh bốn góc

Cho phép ép hình ảnh để vừa với một khu vực được xác định bằng cách di chuyển từng vị trí x và y của bốn góc.

H chỗ chủ yếu

Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều ngang và làm cho hình ảnh vuông hơn. Keystone ngang được sử dụng để sửa hình dạng hình ảnh có phím bấm trong đó các đường viền bên trái và bên phải của hình ảnh có độ dài không bằng nhau. Được thiết kế để sử dụng với các ứng dụng trên trục nằm ngang.

Chỉnh hình chiều dọc

Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều dọc và làm cho hình ảnh vuông hơn. Keystone dọc được sử dụng để sửa hình dạng hình ảnh có phím bấm trong đó phần trên và phần dưới bị nghiêng sang một trong các cạnh. Được thiết kế để sử dụng với các ứng dụng trên trục thẳng đứng.

Hiện thị menu đặt lại

Cài đặt lại

Trở về cài đặt mặc định ban đầu cho cài đặt Hiện thị.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu âm thanh

Menu cài đặt âm thanh

Cài đặt âm thanh

Chọn thiết bị đầu ra âm thanh.

- **Tự động:** Khi loa ngoài được kết nối đúng cách, âm thanh sẽ phát ra từ loa. Nếu không, âm thanh sẽ phát ra từ loa trong.
- **Tích hợp loa:** Luôn luôn từ loa trong.
- **Ngõ ra âm thanh:** Luôn luôn từ loa ngoài.

Menu tắt âm thanh

Tắt tiếng

Sử dụng tùy chọn này để tạm thời tắt âm thanh.

- **Bật:** Chọn “Bật” để tắt tiếng.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để bật tiếng.

Lưu ý: Chức năng “Tắt tiếng” ảnh hưởng đến cả âm lượng loa trong và loa ngoài.

Menu micrô âm thanh

Micrô

Bật / tắt micrô.

- **Bật:** Chọn “Bật” để bật micrô.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để tắt micrô.

Menu âm lượng

Âm lượng

Điều chỉnh mức âm lượng.

Menu âm lượng micrô

Âm lượng micrô

Điều chỉnh mức âm lượng micrô.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu cài đặt

Thiết lập menu chiếu

Trình chiếu

Chọn hình chiếu ưa thích giữa phía trước, phía sau, phía trên và phía sau.

Thiết lập menu loại màn hình

Loại màn chiếu

Chọn loại màn hình từ 16:9 và 16:10.

Thiết lập menu cài đặt bộ lọc

Thời gian sử dụng bộ lọc

Hiển thị thời gian bộ lọc.

Bộ lọc tùy chọn được thiết lập

Đặt cài đặt thông báo cảnh báo.

- **Có:** Hiển thị lời cảnh báo sau 500 giờ sử dụng.
Lưu ý: “Giờ sử dụng bộ lọc / Lời nhắc bộ lọc / Đặt lại bộ lọc” sẽ chỉ xuất hiện khi “Bộ lọc tùy chọn đã cài đặt” là “Có”.
- **Không:** Tắt thông báo cảnh báo.

Nhắc nhở bộ lọc

Chọn chức năng này để hiển thị hoặc ẩn thông báo cảnh báo khi thông báo thay bộ lọc hiển thị. Các tùy chọn có sẵn bao gồm Tắt, 300 giờ, 500 giờ, 800 giờ và 1000 giờ.

Thiết lập lại bộ lọc

Đặt lại số đếm bộ lọc bụi sau khi thay hoặc làm sạch bộ lọc bụi.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Thiết lập menu cài đặt nguồn

Bật nguồn trực tiếp

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Direct Power. Máy chiếu sẽ tự động bật khi nguồn AC được cung cấp mà không cần nhấn phím “Nguồn” trên bảng điều khiển của máy chiếu hoặc trên bộ điều khiển từ xa.

Bật nguồn điện

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Signal Power. Máy chiếu sẽ tự động bật khi phát hiện ra tín hiệu mà không cần nhấn phím “Nguồn” trên bảng điều khiển của máy chiếu hoặc trên bộ điều khiển từ xa.

Lưu ý: Nếu tùy chọn “Bật nguồn tín hiệu” được “Bật”, công suất tiêu thụ của máy chiếu ở chế độ chờ sẽ trên 3 W.

Tắt nguồn (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Hẹn giờ tắt máy (phút)

Cấu hình bộ hẹn giờ ngủ.

- **Hẹn giờ tắt máy (phút):** Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy mà có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Lưu ý: Hẹn giờ ngủ được đặt lại mỗi khi máy chiếu tắt nguồn.

- **Luôn bật:** Chọn để luôn bật bộ hẹn giờ ngủ.

Chế độ nguồn điện

Đặt cài đặt chế độ nguồn.

- **Tích cực:** Chọn “Hoạt động” để trở về chế độ chờ bình thường.
- **Eco:** Chọn “Eco.” để tiết kiệm tiêu hao năng lượng thêm < 0,5 W.

Lưu ý: Điều khiển mạng LAN có thể hoạt động được khi cài đặt **Chế độ nguồn (Chế độ chờ)** được đặt thành **Hoạt động**.

Thiết lập menu bảo mật

Bảo mật

Bật chức năng này để nhắc nhập mật khẩu trước khi sử dụng máy chiếu.

- **Bật:** Chọn “Bật” để sử dụng xác minh bảo mật khi bật máy chiếu.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để có thể bật máy chiếu mà không cần xác minh mật khẩu.

Bộ đếm thời gian an toàn

Có thể chọn chức năng thời gian (Tháng / Ngày / Giờ) để đặt số giờ máy chiếu có thể được sử dụng. Khi hết thời gian này, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu.

Đổi mật khẩu

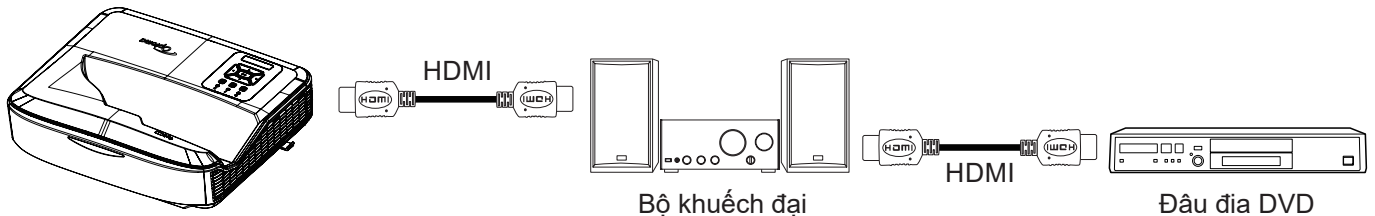
Sử dụng để đặt hoặc sửa đổi mật khẩu được nhắc khi bật máy chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Thiết lập menu cài đặt liên kết HDMI

Lưu ý:

- Khi bạn kết nối các thiết bị tương thích với HDMI CEC với máy chiếu bằng cáp HDMI, bạn có thể điều khiển chúng ở cùng một trạng thái bật hoặc tắt nguồn bằng cách sử dụng tính năng điều khiển HDMI Link trong OSD của máy chiếu. Điều này cho phép một thiết bị hoặc nhiều thiết bị trong nhóm bật hoặc tắt nguồn thông qua tính năng liên kết HDMI trong cấu hình thông thường, đầu đĩa DVD của bạn có thể được kết nối với máy chiếu thông qua bộ khuếch đại hoặc hệ thống rạp hát gia đình.



Liên kết HDMI

Bật / tắt chức năng Liên kết HDMI. Các tùy chọn liên kết TV, liên kết bật nguồn và tắt nguồn bao gồm sẽ chỉ khả dụng nếu cài đặt được đặt thành “Bật”.

Bao gồm TV

Đặt thành “Có” nếu bạn muốn tự động tắt cả TV và máy chiếu cùng một lúc. Để tránh tắt cả hai thiết bị cùng một lúc, hãy đặt cài đặt thành “Không”.

Liên kết bật nguồn

Lệnh CEC bật nguồn.

- **Tương hỗ:** Cả máy chiếu và thiết bị CEC sẽ được bật đồng thời.
- **PJ → Thiết bị:** Thiết bị CEC sẽ chỉ được bật sau khi máy chiếu được bật.
- **Thiết bị → PJ:** Máy chiếu sẽ chỉ được bật sau khi thiết bị CEC được bật.

Liên kết tắt nguồn

Bật chức năng này để cho phép tự động tắt cả Liên kết HDMI và máy chiếu cùng một lúc.

Thiết lập menu mẫu thử nghiệm

Mẫu thử

Chọn mẫu thử nghiệm từ lưới xanh lục, lưới đỏ tươi, lưới trắng, trắng hoặc vô hiệu (tắt) chức năng này.

Thiết lập menu cài đặt từ xa

Chức năng IR

Đặt cài đặt chức năng IR.

- **Bật:** Chọn “Bật”, máy chiếu có thể được vận hành bằng điều khiển từ xa từ bộ thu IR phía trên và phía trước.
- **Tắt:** Chọn “Tắt”, không có thể vận hành máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Bằng cách chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng các phím Bàn phím.

Mã từ xa

Đặt mã tùy chỉnh từ xa bằng cách nhấn nút ID từ xa trong 3 giây và bạn sẽ nhận thấy chỉ báo từ xa (phía trên nút Tắt) bắt đầu nhấp nháy. Sau đó, nhập một số từ 00 - 99 bằng các phím được đánh số trên bàn phím. Sau khi nhập số, đèn báo điều khiển từ xa nhấp nháy nhanh hai lần cho biết mã điều khiển từ xa đã thay đổi.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

F1 / F2 / F3

Gán chức năng mặc định cho F1, F2 hoặc F3 giữa Mẫu thử nghiệm, Độ sáng, Độ tương phản, Bộ hẹn giờ ngủ, Khớp màu, Nhiệt độ màu, Gamma, Phép chiếu hoặc Dịch chuyển ống kính kỹ thuật số.

Thiết lập menu ID máy chiếu

Mã nhận dạng (ID)

Định nghĩa ID có thể được thiết lập theo menu (phạm vi 0 - 99) và cho phép sử dụng điều khiển một máy chiếu riêng lẻ bằng cách sử dụng lệnh RS232.

Thiết lập menu tùy chọn

Ngôn ngữ

Chọn menu OSD đa ngôn ngữ giữa tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Ba Lan, tiếng Hà Lan, tiếng Thụy Điển, tiếng Na Uy / tiếng Đan Mạch, tiếng Phần Lan, tiếng Hy Lạp, tiếng Trung phồn thể, tiếng Trung giản thể, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Nga, tiếng Hungary, tiếng Tiệp Khắc, tiếng Ả Rập, Tiếng Thái, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Farsi, tiếng Việt, tiếng Indonesia, tiếng Romania và tiếng Slovakia.

Cài đặt menu (danh mục)

Đặt vị trí menu trên màn hình và định cấu hình cài đặt hẹn giờ menu.

- **Vị trí menu:** Chọn vị trí trình đơn trên màn hình hiển thị.
- **Menu hẹn giờ:** Đặt thời lượng mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.

Nguồn tự động

Chọn tùy chọn này để cho phép máy chiếu tự động tìm nguồn đầu vào khả dụng.

Nguồn tín hiệu vào

Chọn nguồn đầu vào giữa HDMI 1, HDMI 2 và VGA.

Nhập tên

Sử dụng để đổi tên chức năng đầu vào để nhận dạng dễ dàng hơn. Các tùy chọn khả dụng bao gồm HDMI 1, HDMI 2 và VGA.

Điều chỉnh tốc độ quạt

Khi “Bật” được chọn, quạt sẽ quay nhanh hơn. Tính năng này rất hữu ích ở những khu vực cao, nơi không khí loãng.

Khóa chế độ hiển thị

Chọn “Bật” hoặc “Tắt” để khóa hoặc mở khóa thiết lập điều chỉnh chế độ hiển thị.

Khóa bàn phím

Khi chức năng khóa bàn phím “Bật”, Bàn phím sẽ bị khóa. Tuy nhiên, có thể vận hành máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng lại bàn phím.

Ẩn thông tin

Bật chức năng này để ẩn thông báo thông tin.

- **Tắt:** Chọn “Tắt” để hiển thị thông báo “tìm kiếm”.
- **Bật:** Chọn “Bật” để ẩn thông báo.

Biểu tượng

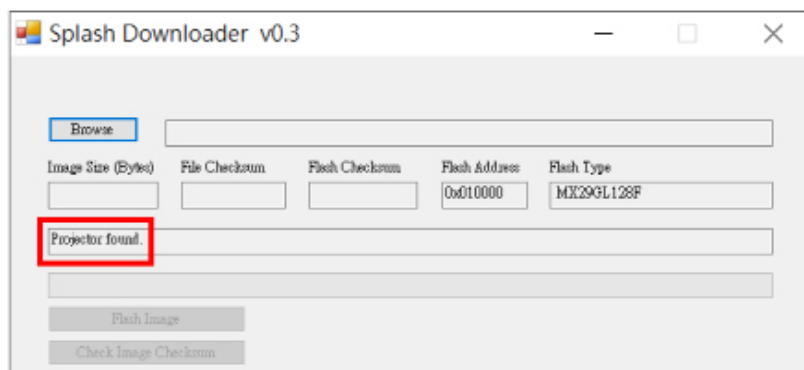
Sử dụng chức năng này để cài đặt màn hình khởi động mong muốn. Nếu thay đổi được thực hiện, nó sẽ có hiệu quả vào lần bật máy chiếu sau.

- **Chế độ mặc định:** Màn hình khởi động mặc định.
- **Trung lập:** Lôgô sẽ không được hiển thị trên màn hình khởi động.
- **Người sử dụng:** Cần có công cụ chụp logo.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Lưu ý:

1. Vui lòng đặt mục “Logo” thành “Người dùng” trong menu cài đặt máy chiếu.
2. Thực hiện các bước sau để vào chế độ tải xuống.
A: Nhấn các nút “**Enter**” và “**Nguồn**” trên bảng điều khiển và giữ chúng.
B: Cắm dây nguồn vào máy chiếu.
C: Nhả cả hai nút “**Enter**” và “**Nguồn**” sau khi tất cả các đèn LED đều sáng.
3. Kết nối cáp **USB (Loại A đến B)** máy chiếu dạng (cổng Loại B) với máy tính (cổng Loại A).
4. Nhấp đúp vào **Splash Downloader.exe** (chỉ hỗ trợ Window OS).
5. Trong khi Splash Downloader đang chạy, vui lòng kiểm tra trạng thái USB trước khi nâng cấp chương trình cơ sở. Nó sẽ hiển thị (Máy chiếu được tìm thấy).



6. Nhấp vào nút “**Browse**” và chọn tệp biểu trưng (chỉ hỗ trợ định dạng tệp “**PNG**”). Độ phân giải đề xuất của logo không được vượt quá độ phân giải logo mặc định (Ví dụ: ZU500USTe, độ phân giải tối đa là 1920 x 1200). Mục đích là giữ chất lượng của hình ảnh. Nếu không, logo có thể bị mờ.
7. Nhấp vào nút “**Flash Image**”. Nếu tệp được ghi vào máy chiếu thành công, thông báo “**Tải xuống hoàn tất**” sẽ hiển thị trên màn hình.
8. Rút nguồn của máy chiếu và cắm nó vào. Hãy đảm bảo rằng logo đã được nâng cấp đúng cách.

Màu nền

Sử dụng chức năng này để hiển thị màn hình màu xanh lam, đỏ, lục, xám, không có hoặc có logo khi không có tín hiệu.

Lưu ý: Nếu màu nền được đặt thành “Không có”, thì màu nền là màu đen.

Cài đặt HDMI

Định cấu hình cài đặt HDMI.

- **Lời nhắc EDID:** Cho phép hiển thị thông báo nhắc nhở khi nguồn đầu vào được thay đổi thành nguồn HDMI.
- **HDMI 1 EDID (mặc định là EDID 1.4):** Chọn tùy chọn này khi sử dụng các nguồn 1080p (Xbox 360, Hộp cáp, Hộp vệ tinh, v.v.).
- **HDMI 2 EDID (mặc định là EDID 2.0):** Chọn tùy chọn này khi sử dụng các nguồn 1080p HDR (chẳng hạn như Xbox One S hoặc PS4) và nguồn 4K HDR (Đầu phát Blu-ray 4K HDR, Roku Ultra 4K, SHIELD TV, Xbox One X và PS4 Pro, v.v.).

Lưu ý: Khi nguồn HDMI 2 không bình thường về màu sắc và hoặc dải màu, hãy thay đổi EDID thành 1.4.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cài đặt lại menu OSD

Đặt lại OSD

Trở về cài đặt mặc định của nhà sản xuất cho cài đặt menu OSD.

Đặt lại về mặc định

Trở về cài đặt mặc định của nhà sản xuất cho tất cả các cài đặt.

Menu mạng

Menu mạng LAN

Tình trạng mạng

Hiển thị trạng thái kết nối mạng (chỉ đọc).

Địa chỉ MAC

Hiển thị địa chỉ MAC (chỉ đọc).

DHCP

Sử dụng tùy chọn này để bật hoặc tắt chức năng DHCP.

- **Tắt:** để gán IP, Mặt nạ mạng con, Gateway, và cấu hình DNS một cách thủ công.
- **Bật:** Máy chiếu sẽ tự động lấy địa chỉ IP từ mạng của bạn.

Lưu ý: Thoát OSD sẽ tự động áp dụng các giá trị đã nhập.

Địa chỉ IP

Hiển thị địa chỉ IP.

Subnet mask

Hiển thị số mặt nạ mạng con.

Gateway

Hiển thị gateway mặc định của mạng được nối với máy chiếu.

DNS

Hiển thị số DNS.

Cách sử dụng trình duyệt web để điều khiển máy chiếu

1. Nhấn “Bật” tùy chọn DHCP trên máy chiếu để cho phép máy chủ DHCP tự động gán địa chỉ IP.
2. Mở trình duyệt web trong máy tính của bạn và nhập địa chỉ IP của máy chiếu (“Mạng > LAN > Địa chỉ IP”).
3. Nhập tên người dùng và mật khẩu, và nhấp vào “Đăng nhập”.
Giao diện web cấu hình của máy chiếu sẽ mở ra.

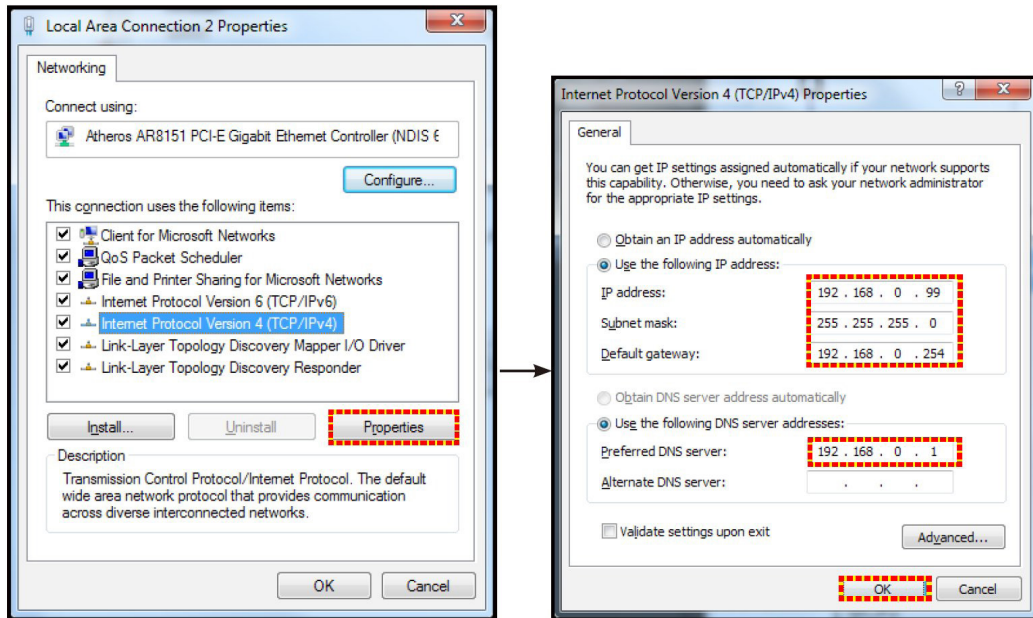
Lưu ý:

- Cần phải thay đổi tên người dùng và mật khẩu sau khi bạn đã đăng nhập. Bạn cũng nên sử dụng mật khẩu mạnh.
- Các bước trong phần này dựa trên hệ điều hành Windows 7.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Kết nối trực tiếp từ máy tính tới máy chiếu*

1. Tắt tùy chọn DHCP trên máy chiếu.
2. Định cấu hình địa chỉ IP, Subnet Mask, Gateway và DNS trên máy chiếu (“Mạng > LAN”).
3. Mở trang ***Network and Sharing Center*** trên máy tính của bạn và gán các thông số mạng giống hệt nhau cho máy tính của bạn như được thiết lập trên máy chiếu. Nhấp vào “OK” để lưu các thông số.



4. Mở trình duyệt web trên máy tính của bạn và nhập địa chỉ IP vào trường URL, được chỉ định ở bước 3. Sau đó nhấn phím “Enter”.

Cài đặt lại

Đặt lại tất cả các giá trị cho các thông số mạng LAN.

Menu điều khiển mạng

Crestron

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 41794).

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.crestron.com> và www.crestron.com/getroomview.

Extron

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 2023).

PJ Link

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 4352).

AMX Device Discovery

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 9131).

Telnet

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 23).

HTTP

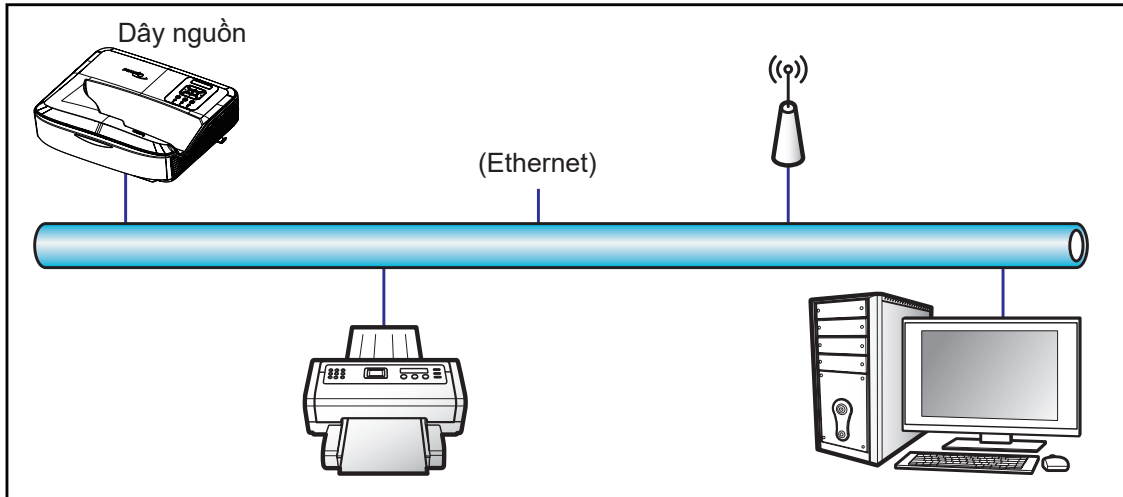
Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 80).

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Thiết lập menu cài đặt điều khiển mạng

Hàm LAN RJ45

Để đơn giản và dễ vận hành, máy chiếu cung cấp các tính năng kết nối mạng và quản lý từ xa đa dạng. Chức năng LAN / RJ45 của máy chiếu thông qua mạng, chẳng hạn như quản lý từ xa: Cài đặt Bật / Tắt nguồn, độ sáng và độ tương phản. Ngoài ra, bạn có thể xem thông tin trạng thái máy chiếu, chẳng hạn như: Video- Nguồn, Âm thanh- Tắt tiếng, v.v.



Các chức năng của thiết bị đầu cuối mạng LAN có dây

Máy chiếu này có thể được điều khiển bằng máy tính hoặc thiết bị bên ngoài khác qua cổng LAN / RJ45 và tương thích với Crestron / Extron / AMX (Device -Discovery) / PJLink.

- Crestron là nhãn hiệu đã đăng ký của Crestron Electronics, Inc. của Hoa Kỳ.
- Extron là nhãn hiệu đã đăng ký của Extron Electronics, Inc. của Hoa Kỳ.
- AMX là nhãn hiệu đã đăng ký của AMX LLC của Hoa Kỳ.
- PJLink đã nộp đơn đăng ký nhãn hiệu và logo tại Nhật Bản, Hoa Kỳ và các quốc gia khác bởi JBMIA.

Máy chiếu được hỗ trợ bởi các lệnh cụ thể của bộ điều khiển Crestron Electronics và phần mềm liên quan, ví dụ RoomView®.

<http://www.crestron.com/>

Máy chiếu này phù hợp hỗ trợ (các) thiết bị Extron để tham khảo.

<http://www.extron.com/>

Máy chiếu này được hỗ trợ bởi AMX (Device Discovery).

<http://www.amx.com/>

Máy chiếu này hỗ trợ tất cả các lệnh của PJLink Class1 (Phiên bản 1.00).

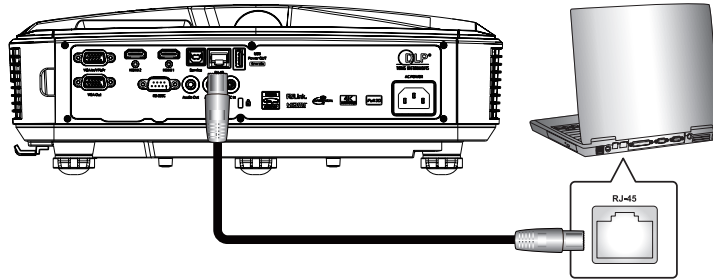
<http://pjlink.jbmia.or.jp/english/>

Để biết thêm thông tin chi tiết về các loại thiết bị ngoại vi khác nhau có thể được kết nối với cổng LAN / RJ45 và điều khiển từ xa của máy chiếu, cũng như các lệnh được hỗ trợ cho các thiết bị ngoại vi này, vui lòng liên hệ trực tiếp với Bộ phận hỗ trợ dịch vụ.

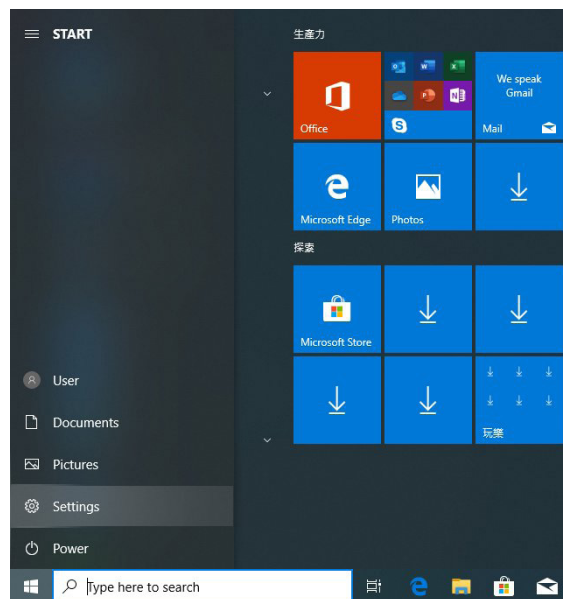
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

LAN RJ45

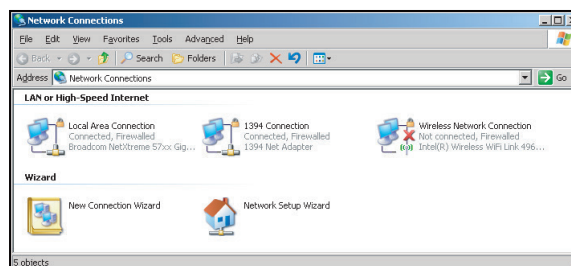
1. Kết nối cáp RJ45 với các cổng RJ45 trên máy chiếu và máy tính.



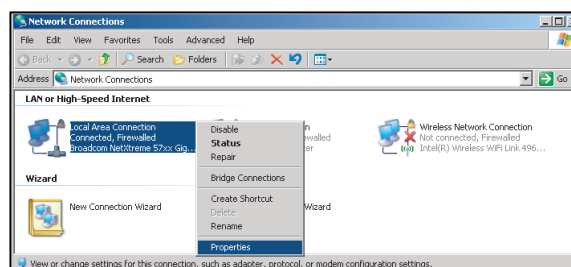
2. Trên máy tính, chọn **Bắt đầu > Cài đặt > Mạng & Internet**.



3. Nhấp chuột phải vào **Local Area Connection** và chọn **Thuộc tính**.

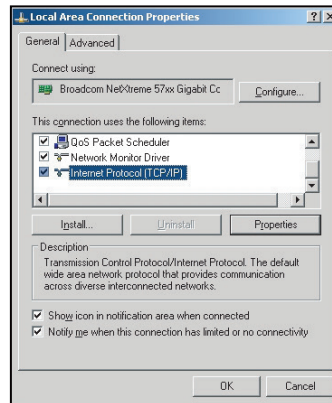


4. Trong cửa sổ **Thuộc tính**, chọn tab **Chung** và chọn **Giao thức Internet (TCP / IP)**.

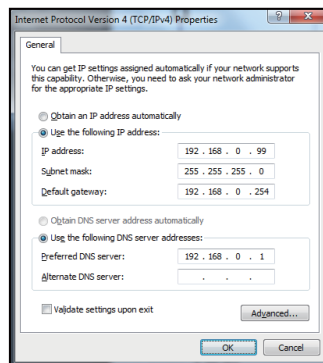


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

5. Nhấp vào "Thuộc tính".



6. Nhập địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con, sau đó nhấn "OK".



7. Nhấn nút "Menu" trên máy chiếu.

8. Mở trên Mạng máy chiếu > LAN.

9. Nhập các thông số kết nối sau:

- DHCP: Tắt
- Địa chỉ IP: 192.168.0.100
- Mặt nạ mạng con: 255.255.255.0
- Gateway: 192.168.0.254
- DNS: 192.168.0.51

10. Nhấn "Enter" để xác nhận cài đặt.

11. Mở trình duyệt web, chẳng hạn như Microsoft Internet Explorer có cài đặt Adobe Flash Player 9,0 trở lên.

12. Trong thanh Địa chỉ, nhập địa chỉ IP của máy chiếu: 192.168.0.100.



13. Nhấn "Enter".

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Máy chiếu được thiết lập để quản lý từ xa. Chức năng LAN / RJ45 hiển thị như sau:

Vì “Trình duyệt” không còn hỗ trợ trình phát Adobe Flash, vui lòng tải xuống và cài đặt ứng dụng “Tải xuống máy chiếu Flash Player” từ liên kết Adobe: https://www.adobe.com/support/flashplayer/debug_downloads.html.

Trang thông tin

Projector Information		Projector Status	
Projector Name	Optoma	Power Status	Power On
Location		Source	HDMI 1/MHL
Firmware Version	605	Display Mode	Game
Mac Address	00:60:E9:23:95:F8	Projection	Front Table
Resolution	1080p 60Hz	Brightness Mode	Dynamic/Black
Lamp Hours	1	Error Status	No Error
Assigned to			

Trang chính

Sources List			
HDMI 1			
HDMI 2			
Display Port			
VGA			

Trang công cụ

Crestron Control	Projector	User Password
IP Address: 255.255.255.255	Projector Name: Optoma	<input type="checkbox"/> Enabled
IP ID: 7	Location:	New Password:
Port: 41794	Assigned to:	Confirm:
<input type="button" value="Send"/>	<input type="button" value="Send"/>	<input type="button" value="Send"/>
DHCP: <input type="checkbox"/> Enabled	IP Address: 192.168.0.100	<input type="checkbox"/> Enabled
	Subnet Mask: 255.255.255.0	New Password:
	Default Gateway: 192.168.0.254	Confirm:
	DNS Server: 192.168.0.51	<input type="button" value="Send"/>
	<input type="button" value="Send"/>	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Liên hệ với bộ phận trợ giúp CNTT

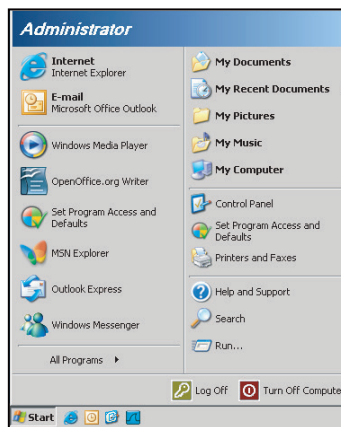


RS232 theo chức năng Telnet

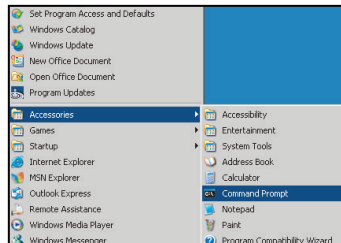
Có một cách điều khiển lệnh RS232 thay thế, trong máy chiếu được gọi là “RS232 by TELNET” cho giao diện LAN / RJ45.

Hướng dẫn Bắt đầu Nhanh cho “RS232 của Telnet”

- Kiểm tra và lấy địa chỉ IP trên OSD của máy chiếu.
- Đảm bảo rằng máy tính có thể truy cập trang web của máy chiếu.
- Đảm bảo rằng cài đặt “Tường lửa của Windows” bị tắt trong trường hợp chức năng “TELNET” bị PC / máy tính xách tay lọc ra.



1. Chọn **Start > All Programs. > Accessories > Command Prompt.**



2. Nhập định dạng lệnh như sau:
 - telnet ttt.xxx.yyy.zzz 23 (nhấn phím “Enter”)
 - (ttt.xxx.yyy.zzz: Địa chỉ IP của máy chiếu)
3. Nếu Telnet-Connection đã sẵn sàng và người dùng có thể nhập lệnh RS232, sau đó nhấn phím “Enter”, lệnh RS232 sẽ khả dụng.

Đặc điểm kỹ thuật của “RS232 của TELNET”:

1. Telnet: TCP.
2. Cổng Telnet: 23 (để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với đại lý dịch vụ hoặc nhóm).
3. Tiện ích Telnet: Windows “TELNET.exe” (chế độ bảng điều khiển).
4. Ngắt kết nối để điều khiển RS232-by-Telnet bình thường: Đóng
5. Tiện ích Windows Telnet trực tiếp sau khi kết nối TELNET đã sẵn sàng.
 - Giới hạn 1 cho Telnet-Control: có ít hơn 50 byte cho tải trọng mạng liên tiếp cho ứng dụng Telnet-Control.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- Giới hạn 2 cho Telnet-Control: có ít hơn 26 byte cho một lệnh RS232 hoàn chỉnh cho Telnet-Control.
- Giới hạn 3 cho Telnet-Control: Độ trễ tối thiểu cho lệnh RS232 tiếp theo phải lớn hơn 200 (mili giây).

Lưu ý: Vui lòng tham khảo danh sách giao thức lệnh RS232 trên trang 70.

Menu thông tin

Menu thông tin

Xem thông tin máy chiếu như liệt kê bên dưới:

- Điều chỉnh
- Số seri
- Nguồn
- Độ phân giải
- Tốc độ làm mới
- Chế độ hiển thị
- Chế độ nguồn điện
- Giờ nguồn sáng
- Mã từ xa
- Mã từ xa (Hoạt động)
- Tình trạng mạng
- Địa chỉ IP
- Mã nhận dạng (ID)
- Thời gian sử dụng bộ lọc
- Chế độ sáng
- Phiên bản FW

THÔNG TIN THÊM

Độ phân giải tương thích

Kỹ thuật số

Kỹ thuật số (HDMI 1_2.0)				
B0 / Thời gian thành lập	B0 / Thời gian chuẩn	B0 / Thời gian chi tiết	B1 / Chế độ video	B1 / Thời gian chi tiết
640 x 480 @ 60 Hz	640 x 480 @ 120 Hz	WUXGA: 1920 x 1200 @ 60 Hz	640 x 480p @ 60 Hz 4:3	3840 x 2160 @ 60 Hz 1920 x 1080 @ 60 Hz
640 x 480 @ 67 Hz	800 x 600 @ 120 Hz		720 (1440) x 480i @ 60 Hz 4:3	
640 x 480 @ 72 Hz	1024 x 768 @ 120 Hz 4:3		720 (1440) x 480i @ 60 Hz 16:9	
640 x 480 @ 75 Hz	1280 x 720 @ 60 Hz 16:9		720 (1440) x 576i @ 50 Hz 4:3	
800 x 600 @ 56 Hz	1280 x 720 @ 120 Hz 16:9		720 (1440) x 576i @ 50 Hz 16:9	
800 x 600 @ 60 Hz	1280 x 720 @ 120 Hz 16:9		720 x 480p @ 60 Hz 4:3	
800 x 600 @ 72 Hz	1280 x 800 @ 60 Hz 16:10		720 x 480p @ 60 Hz 16:9	
800 x 600 @ 75 Hz	1440 x 900 @ 60 Hz 16:10		720 x 576p @ 50 Hz 4:3	
1024 x 768 @ 60 Hz	1600 x 1200 @ 60 Hz 4:3		720 x 576p @ 50 Hz 16:9	
1024 x 768 @ 70 Hz			1280 x 720p @ 50 Hz 16:9	
1024 x 768 @ 75 Hz			1280 x 720p @ 60 Hz 16:9	
1152 x 870 @ 75 Hz			1440 x 480p @ 60 Hz 16:9	
1280 x 1024 @ 75 Hz			1440 x 576p @ 50 Hz 16:9	
			1920 x 1080i @ 60 Hz 16:9	
			1920 x 1080i @ 50 Hz 16:9	
			1920 x 1080p @ 60 Hz 16:9	
		1920 x 1080p @ 50 Hz 16:9		
		1920 x 1080p @ 24 Hz 16:9		
		1920 x 1080p @ 30 Hz 16:9		
		3840 x 2160p @ 24 Hz 16:9		
		3840 x 2160p @ 25 Hz 16:9		
		3840 x 2160p @ 30 Hz 16:9		
		3840 x 2160p @ 50 Hz 16:9		
		3840 x 2160p @ 60 Hz 16:9		
		4096 x 2160p @ 24 Hz 256:135		
		4096 x 2160p @ 25 Hz 256:135		
		4096 x 2160p @ 30 Hz 256:135		
		4096 x 2160p @ 50 Hz 256:135		
		4096 x 2160p @ 60 Hz 256:135		

THÔNG TIN THÊM

Kỹ thuật số (HDMI 2_2.0)				
B0 / Thời gian thành lập	B0 / Thời gian chuẩn	B0 / Thời gian chi tiết	B1 / Chế độ video	B1 / Thời gian chi tiết
640 x 480 @ 60 Hz	640 x 480 @ 120 Hz	1080p: 1920 x	640 x 480p @ 60 Hz 4:3	3840 x 2160 @ 60 Hz
640 x 480 @ 67 Hz	800 x 600 @ 120 Hz	1080 @ 60 Hz	720 (1440) x 480i @ 60 Hz 4:3	1920 x 1200 @ 60 Hz
640 x 480 @ 72 Hz	1024 x 768 @ 120		720 (1440) x 480i @ 60 Hz 16:9	
640 x 480 @ 75 Hz	Hz 4:3		720 (1440) x 576i @ 50 Hz 4:3	
800 x 600 @ 56 Hz	1280 x 720 @ 60 Hz		720 (1440) x 576i @ 50 Hz 16:9	
800 x 600 @ 60 Hz	16:9		720 x 480p @ 60 Hz 4:3	
800 x 600 @ 72 Hz	1280 x 720 @ 120		720 x 480p @ 60 Hz 16:9	
800 x 600 @ 75 Hz	Hz 16:9		720 x 576p @ 50 Hz 4:3	
1024 x 768 @ 60 Hz	1280 x 800 @ 60 Hz		720 x 576p @ 50 Hz 16:9	
1024 x 768 @ 70 Hz	16:10		1280 x 720p @ 50 Hz 16:9	
1024 x 768 @ 75 Hz	1440 x 900 @ 60 Hz		1280 x 720p @ 60 Hz 16:9	
1152 x 870 @ 75 Hz	16:10		1440 x 480p @ 60 Hz 16:9	
1280 x 1024 @ 75	1600 x 1200 @ 60		1440 x 576p @ 50 Hz 16:9	
Hz	Hz 4:3		1920 x 1080i @ 60 Hz 16:9	
			1920 x 1080i @ 50 Hz 16:9	
			1920 x 1080p @ 60 Hz 16:9	
			1920 x 1080p @ 50 Hz 16:9	
			1920 x 1080p @ 24 Hz 16:9	
			1920 x 1080p @ 30 Hz 16:9	
			3840 x 2160p @ 24 Hz 16:9	
			3840 x 2160p @ 25 Hz 16:9	
			3840 x 2160p @ 30 Hz 16:9	
			3840 x 2160p @ 50 Hz 16:9	
			3840 x 2160p @ 60 Hz 16:9	
			4096 x 2160p @ 24 Hz 256:135	
			4096 x 2160p @ 25 Hz 256:135	
			4096 x 2160p @ 30 Hz 256:135	
			4096 x 2160p @ 50 Hz 256:135	
			4096 x 2160p @ 60 Hz 256:135	

THÔNG TIN THÊM

Kỹ thuật số (HDMI 1_1.4)				
B0 / Thời gian thành lập	B0 / Thời gian chuẩn	B0 / Thời gian chi tiết	B1 / Chế độ video	B1 / Thời gian chi tiết
640 x 480 @ 60 Hz	640 x 480 @ 120 Hz	WUXGA: 1920 x 1200 @ 60 Hz	640 x 480p @ 60 Hz 4:3	1280 x 720 @ 60 Hz
640 x 480 @ 67 Hz	800 x 600 @ 120 Hz		720 x 480p @ 60 Hz 4:3	1366 x 768 @ 60 Hz
640 x 480 @ 72 Hz	1024 x 768 @ 120 Hz 4:3		720 x 480p @ 60 Hz 16:9	1920 x 720 @ 60 Hz
640 x 480 @ 75 Hz	1280 x 720 @ 60 Hz 16:9		720 (1440) x 480i @ 60 Hz 4:3	1920 x 1080 @ 60 Hz
800 x 600 @ 56 Hz	1280 x 720 @ 60 Hz 16:9		720 (1440) x 480i @ 60 Hz 16:9	
800 x 600 @ 60 Hz	1280 x 720 @ 120 Hz 16:9		720 (1440) x 576i @ 50 Hz 4:3	
800 x 600 @ 72 Hz	1280 x 720 @ 120 Hz 16:9		720 (1440) x 576i @ 50 Hz 16:9	
800 x 600 @ 75 Hz	1280 x 800 @ 60 Hz 16:10		720 x 576p @ 50 Hz 4:3	
1024 x 768 @ 60 Hz	1440 x 900 @ 60 Hz 16:10		720 x 576p @ 50 Hz 16:9	
1024 x 768 @ 70 Hz	1600 x 1200 @ 60 Hz 4:3		1280 x 720p @ 50 Hz 16:9	
1024 x 768 @ 75 Hz			1280 x 720p @ 60 Hz 16:9	
1152 x 870 @ 75 Hz			1440 x 480p @ 60 Hz 16:9	
1280 x 1024 @ 75 Hz			1440 x 576p @ 50 Hz 16:9	
			1920 x 1080i @ 60 Hz 16:9	
			1920 x 1080i @ 50 Hz 16:9	
			1920 x 1080p @ 24 Hz 16:9	
			1920 x 1080p @ 25 Hz 16:9	
		1920 x 1080p @ 30 Hz 16:9		
		1920 x 1080p @ 60 Hz 16:9		
		1920 x 1080p @ 50 Hz 16:9		

THÔNG TIN THÊM

Kỹ thuật số (HDMI 2_1.4)				
B0 / Thời gian thành lập	B0 / Thời gian chuẩn	B0 / Thời gian chi tiết	B1 / Chế độ video	B1 / Thời gian chi tiết
640 x 480 @ 60 Hz 640 x 480 @ 67 Hz 640 x 480 @ 72 Hz 640 x 480 @ 75 Hz 800 x 600 @ 56 Hz 800 x 600 @ 60 Hz 800 x 600 @ 72 Hz 800 x 600 @ 75 Hz 1024 x 768 @ 60 Hz 1024 x 768 @ 70 Hz 1024 x 768 @ 75 Hz 1152 x 870 @ 75 Hz 1280 x 1024 @ 75 Hz	640 x 480 @ 120 Hz 800 x 600 @ 120 Hz 1024 x 768 @ 120 Hz 4:3 1280 x 720 @ 60 Hz 16:9 1280 x 720 @ 120 Hz 16:9 1280 x 800 @ 60 Hz 16:10 1440 x 900 @ 60 Hz 16:10 1600 x 1200 @ 60 Hz 4:3	1080p: 1920 x 1080 @ 60 Hz	640 x 480p @ 60 Hz 4:3 720 x 480p @ 60 Hz 4:3 720 x 480p @ 60 Hz 16:9 720 (1440) x 480i @ 60 Hz 4:3 720 (1440) x 480i @ 60 Hz 16:9 720 (1440) x 576i @ 50 Hz 4:3 720 (1440) x 576i @ 50 Hz 16:9 720 x 576p @ 50 Hz 4:3 720 x 576p @ 50 Hz 16:9 1280 x 720p @ 50 Hz 16:9 1280 x 720p @ 60 Hz 16:9 1440 x 480p @ 60 Hz 16:9 1440 x 576p @ 50 Hz 16:9 1920 x 1080i @ 60 Hz 16:9 1920 x 1080i @ 50 Hz 16:9 1920 x 1080p @ 24 Hz 16:9 1920 x 1080p @ 25 Hz 16:9 1920 x 1080p @ 30 Hz 16:9 1920 x 1080p @ 60 Hz 16:9 1920 x 1080p @ 50 Hz 16:9	1280 x 720 @ 60 Hz 1366 x 768 @ 60 Hz 1920 x 720 @ 60 Hz 1920 x 1080 @ 60 Hz

Tương tự

Tương tự				
B0 / Thời gian thành lập	B0 / Thời gian chuẩn	B0 / Thời gian chi tiết	B1 / Chế độ video	B1 / Thời gian chi tiết
640 x 480 @ 60 Hz 640 x 480 @ 67 Hz 640 x 480 @ 72 Hz 640 x 480 @ 75 Hz 800 x 600 @ 56 Hz 800 x 600 @ 60 Hz 800 x 600 @ 72 Hz 800 x 600 @ 75 Hz 1024 x 768 @ 60 Hz 1024 x 768 @ 70 Hz 1024 x 768 @ 75 Hz 1152 x 870 @ 75 Hz 1280 x 1024 @ 75 Hz	640 x 480 @ 120 Hz 800 x 600 @ 120 Hz 1024 x 768 @ 120 Hz 4:3 1280 x 720 @ 60 Hz 16:9 1280 x 720 @ 120 Hz 16:9 1280 x 800 @ 60 Hz 16:10 1440 x 900 @ 60 Hz 16:10 1600 x 1200 @ 60 Hz 4:3	WUXGA: 1920 x 1200 @ 60 Hz	1920 x 1080 @ 60 Hz 16:9 1366 x 768 @ 60 Hz 16:9 1920 x 720 @ 60 Hz 16:6	Không có

THÔNG TIN THÊM

Khả năng tương thích video 3D thực sự

Độ phân giải đầu vào	HDMI 1.4a Đầu vào 3D	Định thời đầu vào	
		1280 x 720P @ 50 Hz	Top-and-Bottom
		1280 x 720P @ 60 Hz	Top-and-Bottom
		1280 x 720P @ 50 Hz	Frame packing
		1280 x 720P @ 60 Hz	Frame packing
		1920 x 1080i @ 50 Hz	Side-by-Side (Half)
		1920 x 1080i @ 60 Hz	Side-by-Side (Half)
		1920 x 1080P @ 24 Hz	Top-and-Bottom
		1920 x 1080P @ 24 Hz	Frame packing
		640 x 480 @ 120 Hz	Frame sequential
		800 x 600 @ 120 Hz	Frame sequential
		1024 x 768 @ 120 Hz	Frame sequential
		1280 x 720 @ 120 Hz	Frame sequential

Lưu ý:

- Nếu đầu vào 3D là 1080p @ 24 Hz, DMD sẽ phát lại với bội số tích hợp với chế độ 3D.
- Hỗ trợ NVIDIA 3DTV Play nếu không có phí cấp bằng sáng chế từ Optoma.
- 1080i @ 25 Hz và 720p @ 50 Hz sẽ chạy ở 100 Hz; 1080p @ 24 Hz sẽ chạy ở 144 Hz; thời gian 3D khác sẽ chạy ở 120 Hz.
- Độ trễ đầu vào HDMI: 49,7 ms

THÔNG TIN THÊM

Thiết lập cổng RS232 và kết nối tín hiệu

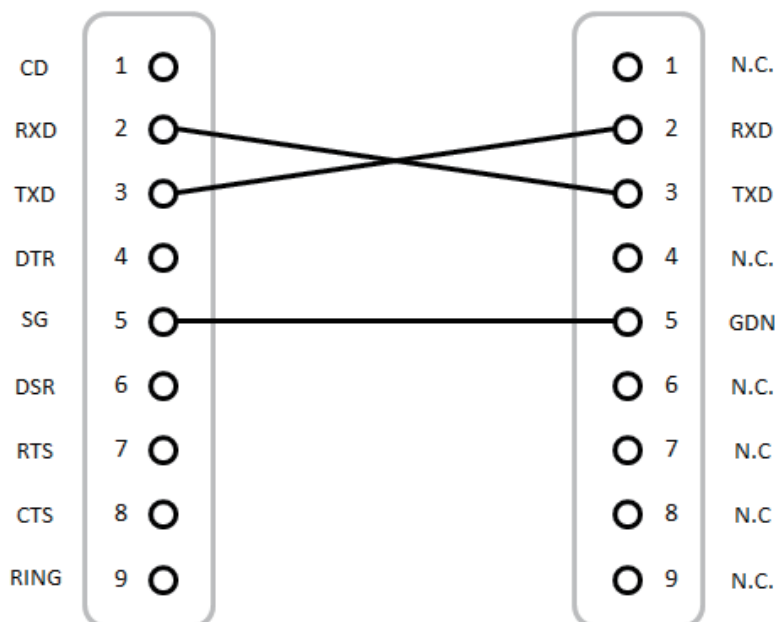
Thiết lập cổng RS232

Hạng mục	Phương thức
Phương thức liên lạc	Liên lạc không đồng bộ
Bit mỗi giây	9600
Data Bits	8 bits
Parity	None
Stop Bits	1
Flow Control	None

Kết nối tín hiệu RS232

Cổng COM máy tính
(Đầu nối 9 chân D-Sub)

Cổng COM máy chiếu
(Đầu nối 9 chân D-Sub)

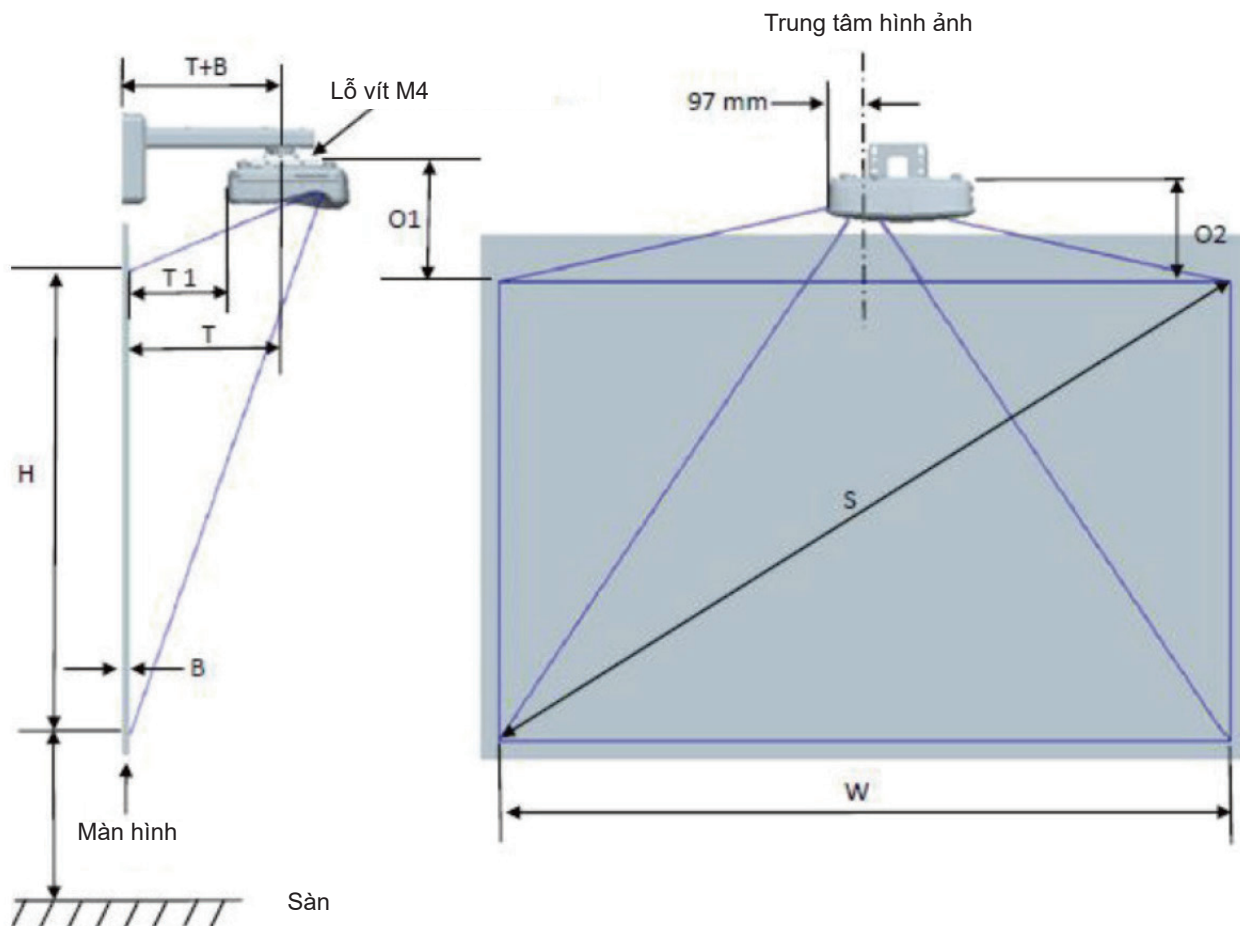


Lưu ý: Vỏ RS232 được nối đất.

THÔNG TIN THÊM

Điều chỉnh kích thước hình ảnh chiếu (Đường chéo)

- Kích thước hình ảnh chiếu từ 132" đến 155" (3,353 đến 3,937 mét)

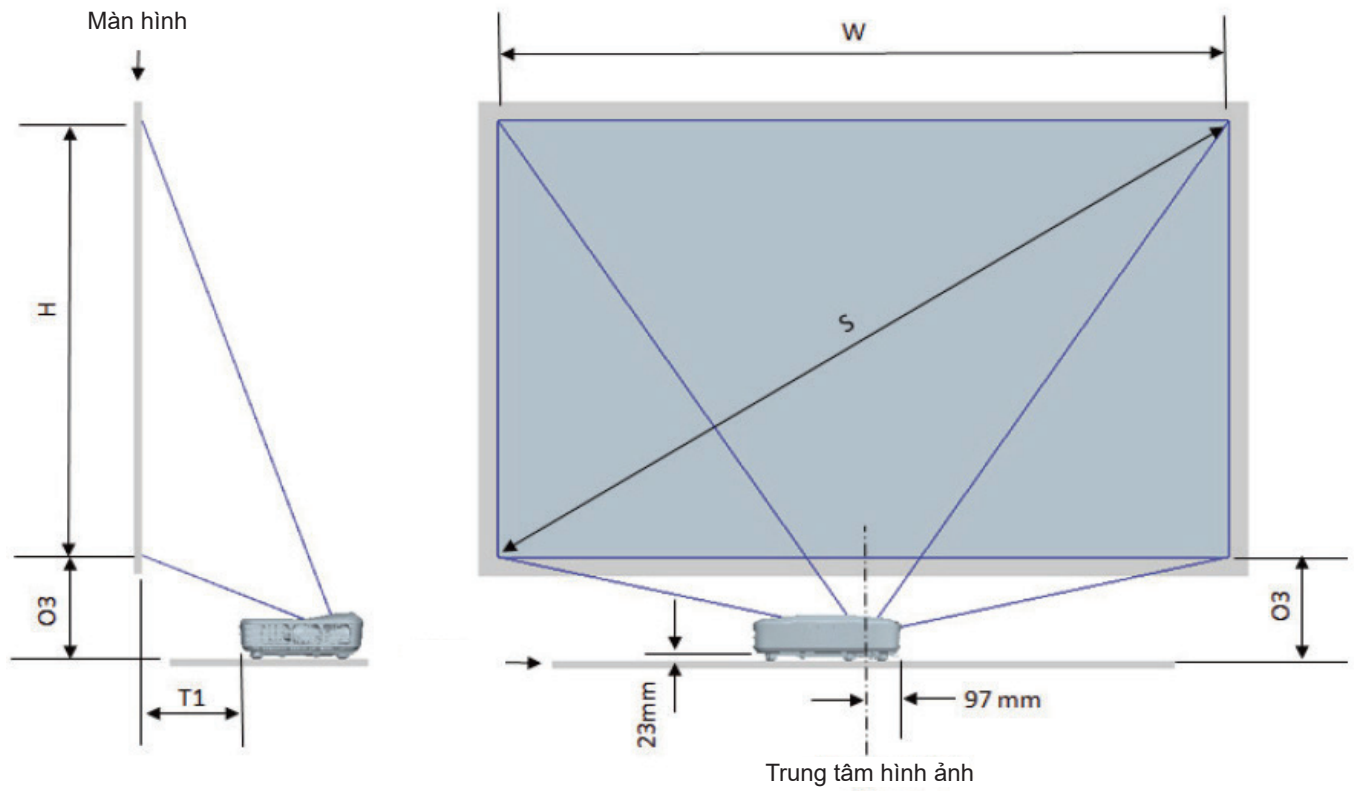


Biểu đồ số đo lắp đặt gắn bàn WUXGA (16:10)

Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo inch	Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo mm	Độ rộng hình ảnh (R) theo mm	Chiều cao hình ảnh (H) theo mm	Khoảng cách ném	Bù lại	Dung sai bù đắp (+/-)	Khoảng cách từ bề mặt bảng trắng đến tâm gắn máy chiếu (T) theo mm	Khoảng cách từ bề mặt bảng trắng đến phía sau máy chiếu (T1) theo mm	Khoảng cách từ phía trên của hình ảnh đến phía trên của vấu ghép nối (O1) theo mm	Khoảng cách từ phía trên của hình ảnh đến phía trên của máy chiếu (O2) theo mm
132	3353	2843	1777	719	298	36	594	457	361	341
135	3429	2908	1817	736	304	36	611	474	367	347
140	3556	3015	1885	763	316	38	638	501	379	359
145	3683	3123	1952	790	327	39	665	528	390	370
150	3810	3231	2019	817	338	40	692	555	401	381
155	3937	3339	2087	845	349	42	720	583	412	392

Lưu ý: Bảng này chỉ dành cho người dùng tham khảo.

THÔNG TIN THÊM



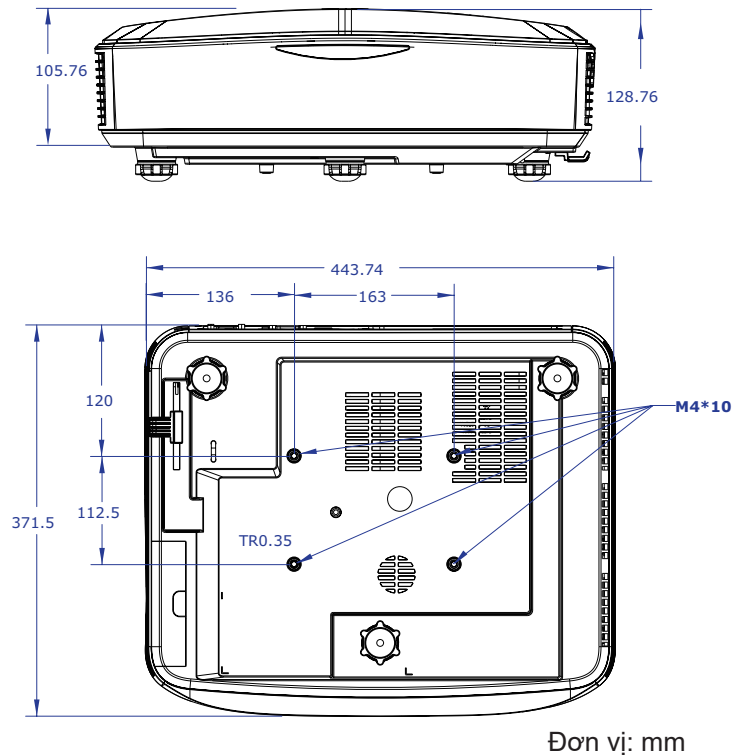
Biểu đồ số đo lắp đặt gắn bàn WUXGA (16:10)

Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo inch	Kích thước đường chéo hình ảnh (S) theo mm	Độ rộng hình ảnh (R) theo mm	Chiều cao hình ảnh (H) theo mm	Khoảng cách bay tính bằng mm	Khoảng cách từ bề mặt bảng trắng đến phía sau máy chiếu (T1) theo mm	Khoảng cách từ đáy hình ảnh tới đỉnh bàn (O3) theo mm
132	3353	2843	1777	719	457	364
135	3429	2908	1817	736	474	370
140	3556	3015	1885	763	501	382
145	3683	3123	1952	790	528	393
150	3810	3231	2019	817	555	404
155	3937	3339	2087	845	583	415

THÔNG TIN THÊM

Kích thước máy chiếu và cách lắp đặt giá treo trần

1. Để tránh làm hư hỏng máy chiếu, hãy sử dụng giá treo trần nhà Optoma.
2. Nếu bạn muốn sử dụng bộ giá treo trần nhà của hãng thứ ba, hãy đảm bảo các ốc vít được sử dụng để gắn vào giá treo máy chiếu đạt các thông số kỹ thuật sau:
 - Loại ốc vít: M4*10
 - Chiều dài ốc vít tối thiểu: 10 mm



Lưu ý: Vui lòng lưu ý rằng hư hỏng do lắp đặt sai cách sẽ làm vô hiệu hóa bảo hành.

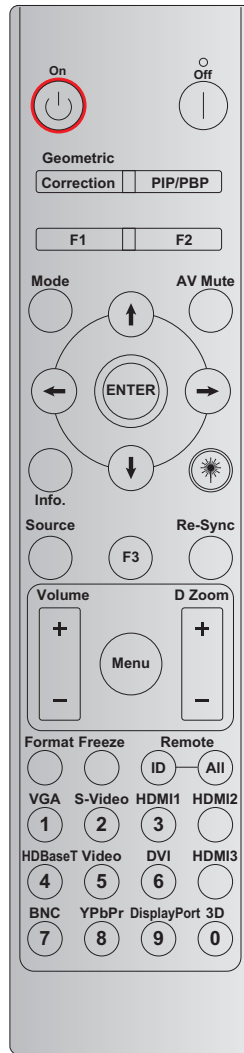


Cảnh báo:

- Nếu bạn mua giá treo trần nhà của công ty khác, hãy nhớ sử dụng đúng cỡ ốc vít. Cỡ ốc vít sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.
- Hãy nhớ chừa lại khe hở ít nhất 10 cm giữa trần nhà và đáy của máy chiếu.
- Tránh lắp đặt máy chiếu gần nguồn nhiệt.

THÔNG TIN THÊM

Mã hồng ngoại từ xa



Khóa	định nghĩa khóa in	Mã khóa				Lặp lại
		BYTE 1	BYTE 2	BYTE 3	BYTE 4	
		Khách hàng số 0	Khách hàng số 1	dữ liệu 0	dữ liệu 1	
Bật nguồn	Bật	32	CD	02	#BYTE3	F2
Tắt nguồn	Tắt	32	CD	2E	#BYTE3	F2
Hiệu chỉnh hình học	Hiệu chỉnh hình học	32	CD	96	#BYTE3	F2
PIP/PBP	PIP/PBP	32	CD	78	#BYTE3	F2
F1	F1	32	CD	26	#BYTE3	F2
F2	F2	32	CD	27	#BYTE3	F2
Chế độ	Chế độ	32	CD	95	#BYTE3	F2
Bốn phím chọn điều hướng ()	Mũi tên lên	32	CD	C6	#BYTE3	F2
	Thông tin xuống	32	CD	C7	#BYTE3	F2
	Mũi tên trái	32	CD	C8	#BYTE3	F2
	Mũi tên phải	32	CD	C9	#BYTE3	F2
Nhập	Nhập	32	CD	C5	#BYTE3	F2
Chặn AV	Chặn AV	32	CD	03	#BYTE3	F2

THÔNG TIN THÊM

Khóa	định nghĩa khóa in	Mã khóa				Lặp lại
		BYTE 1	BYTE 2	BYTE 3	BYTE 4	
		Khách hàng số 0	Khách hàng số 1	dữ liệu 0	dữ liệu 1	
Thông tin	Thông tin	32	CD	25	#BYTE3	F2
Laze ✨	Laze	Không có	Không có	Không có	Không có	Không có
Nguồn	Nguồn	32	CD	18	#BYTE3	F2
F3	F3	32	CD	66	#BYTE3	F2
Tái đồng bộ	Tái đồng bộ	32	CD	04	#BYTE3	F2
Âm lượng	Âm lượng +	32	CD	09	#BYTE3	F2
	Âm lượng -	32	CD	0C	#BYTE3	F2
D Phòng	D Phòng +	32	CD	08	#BYTE3	F2
	D Phòng -	32	CD	0B	#BYTE3	F2
Trình đơn	Trình đơn	32	CD	88	#BYTE3	F2
Định dạng	Định dạng	32	CD	15	#BYTE3	F2
Đóng băng	Đóng băng	32	CD	06	#BYTE3	F2
Xa cách	ID từ xa	3201 ~ 3299		Không có		
	Từ xa cho Tất cả	32CD		Không có		
VGA / 1	1/VGA	32	CD	8E	#BYTE3	F2
S-Video / 2	2/S-Video	32	CD	1D	#BYTE3	F2
HDMI 1 / 3	3/HDMI 1	32	CD	16	#BYTE3	F2
HDMI 2	HDMI 2	32	CD	9B	#BYTE3	F2
HDBaseT / 4	4/HDBaseT	32	CD	70	#BYTE3	F2
Video / 5	5/Video	32	CD	1C	#BYTE3	F2
DVI / 6	6/DVI	32	CD	19	#BYTE3	F2
HDMI 3	HDMI 3	32	CD	98	#BYTE3	F2
BNC / 7	7/BNC	32	CD	1A	#BYTE3	F2
YPbPr / 8	8/YPbPr	32	CD	17	#BYTE3	F2
Cổng hiển thị / 9	9 / Cổng hiện thị	32	CD	9F	#BYTE3	F2
3D / 0	0/3D	32	CD	89	#BYTE3	F2

Lưu ý:

- Điều khiển từ xa sẽ chuyển sang chế độ ngủ nếu không có bất kỳ phím nào được nhấn hoặc nhiều hơn hai phím được nhấn cùng một lúc hoặc một phím được nhấn trong hơn 60 giây.
- Khi nhấn và giữ phím “Tất cả” trong hơn 3 giây và đèn LED màu đỏ sẽ nhấp nháy nhanh, điều này cho biết mã khách hàng được đặt lại về mã mặc định (32 CD).
- Để chuyển đổi mã khách hàng, nhấn và giữ phím “ID” trong hơn 3 giây, đèn LED màu đỏ sẽ nhấp nháy chậm. Sau đó nhấn 2 phím số trong vòng 10 giây.
Ví dụ: Để chuyển mã khách hàng thành 3201, bạn thực hiện như sau: Nhấn và giữ phím “ID” hơn 3 giây, sau đó thả phím “ID”, sau đó nhấn phím “0”, sau đó nhấn phím “1”.
Nhưng nếu bạn nhấn 2 phím số trong hơn 10 giây thì mã khách hàng sẽ không thay đổi.
Bạn có thể đặt mã khách hàng từ 32 01 đến 32 99.
- Đèn báo LED sẽ sáng 10 giây khi bất kỳ phím nào được nhấn, sau đó sẽ nhấp nháy chậm trong vòng 5 giây nếu không có phím nào được nhấn. Nhưng nếu nhấn bất kỳ phím nào được nhấn, thời gian sẽ khởi động lại hiệu chỉnh.
- Điều khiển từ xa sẽ ghi nhớ mã khách hàng cho đến khi hết pin.

THÔNG TIN THÊM

Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp sự cố với máy chiếu của mình, vui lòng tham khảo thông tin sau. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý bán lẻ hoặc trung tâm dịch vụ tại địa phương của bạn.

Các vấn đề về hình ảnh

Không có hình ảnh trên màn hình

- Đảm bảo mọi cáp và kết nối nguồn đều được cắm đúng và chắc chắn như được mô tả trong phần “Cài đặt”.
- Đảm bảo các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.
- Đảm bảo tính năng “Chặn” không bật.

Hình ảnh lệch tiêu điểm

- Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu so với máy chiếu. (tham khảo trang 28).

Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề DVD 16:9

- Khi bạn phát DVD anamorphic hoặc DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16:9 trên mặt máy chiếu.
- Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng LBX, vui lòng thay đổi định dạng thành LBX trong OSD máy chiếu.
- Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
- Vui lòng cài đặt định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.

Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn

- Dịch chuyển máy chiếu đến gần hoặc ra xa màn chiếu.
- Nhấn “Menu” trên bảng máy chiếu, chuyển đến “Màn hình → Tỷ lệ khung hình”. Hãy thử các cài đặt khác nhau.

Hình ảnh có các cạnh nghiêng:

- Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa và dưới đáy màn hình.

Hình ảnh bị đảo ngược

- Chọn “Cài đặt → Tính chiếu” từ OSD và điều chỉnh hướng chiếu.

THÔNG TIN THÊM

Các vấn đề khác

 *Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển*

- Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

Sự cố điều khiển từ xa

 *Nếu bộ điều khiển từ xa không hoạt động*

- Kiểm tra góc hoạt động của điều khiển từ xa có nằm trong khoảng $\pm 30^\circ$ so với bộ thu IR trên máy chiếu.
- Hãy chắc chắn rằng không có cản trở giữa điều khiển từ xa và máy chiếu. Di chuyển trong phạm vi 12 m (39,4 ft) từ máy chiếu.
- Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
- Thay pin nếu pin đã cạn.

THÔNG TIN THÊM

Chỉ báo cảnh báo

Khi các chỉ báo cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt:

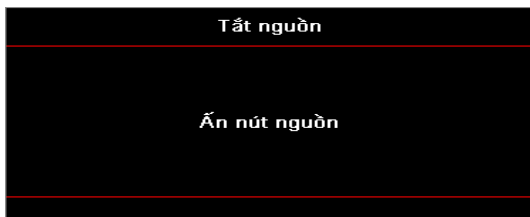
- Chỉ báo LED “Đèn” sáng đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ.
- Chỉ báo LED “Nhiệt độ” sáng đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ. Chỉ báo này có nghĩa là máy chiếu bị quá nhiệt. Trong điều kiện bình thường, có thể bật lại máy chiếu.
- Chỉ báo LED “Nhiệt độ” đỏ nhấp nháy và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ.

Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu chỉ báo cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất để được trợ giúp.

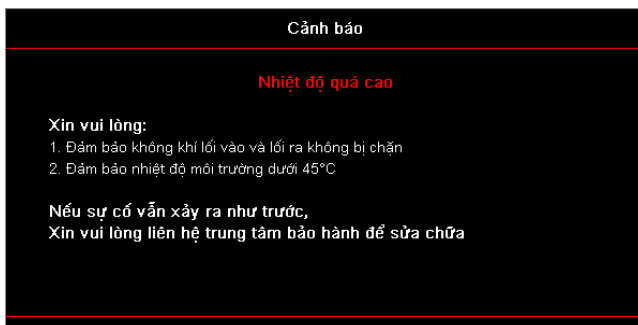
Các thông báo sáng LED

Thông báo	Đèn LED nguồn		Đèn LED nhiệt độ	Đèn LED bóng đèn
	(Đỏ)	(Xám lam)	(Đỏ)	(Đỏ)
Trạng thái chờ (Dây nguồn đầu vào)	Ánh sáng đều			
Nguồn bật (Làm nóng)	Nhấp nháy (1 giây tắt / 1 giây bật)			
Bật nguồn và chiếu sáng đèn		Ánh sáng đều		
Nguồn tắt (Làm nguội)	Nhấp nháy (0,5 giây tắt / 0,5 giây bật) Trở lại đèn ổn định màu đỏ khi quạt làm mát tắt.			
Lỗi (LD quá nhiệt)			Ánh sáng đều	
Lỗi (LD hỏng)				Ánh sáng đều
Lỗi (Quạt hỏng)			Nhấp nháy	
Lỗi (Quá nhiệt)			Ánh sáng đều	

- Tắt nguồn:



- Cảnh báo nhiệt độ:



THÔNG TIN THÊM

Thông số kỹ thuật

Quang học	Sự miêu tả
Độ phân giải tối đa	WUXGA
Tỉ lệ lệch tâm	0,253
Điều chỉnh thu phóng / lấy nét	Thu phóng cố định và lấy nét thủ công
Kích thước hình ảnh (đường chéo)	133,5" ~ 154,1"
Khoảng cách chiếu	457 mm ~ 583 mm

Điện	Sự miêu tả
Đầu vào	<ul style="list-style-type: none">HDMI 2.0 (x2)VGA trongÂm thanh trong 3,5 mmMicrôUSB Loại A để cấp nguồn USB 5 V / 1.5 A
Ngõ ra	<ul style="list-style-type: none">Ngõ ra VGANgõ ra âm thanh 3,5 mm
Điều khiển	<ul style="list-style-type: none">USB Loại BRS232CRJ-45 (hỗ trợ điều khiển web)
Tái tạo màu sắc	1073,4 triệu màu
Tốc độ quét	<ul style="list-style-type: none">Tốc độ quét ngang: 15,375 ~ 91,146 KHzTốc độ quét dọc: 24 ~ 85 Hz (120 Hz cho máy chiếu tính năng 3D)
Loa tích hợp	Có, 10 W
Yêu cầu về nguồn điện	100 - 240 V ± 10%, AC 50/60 Hz
Đầu vào hiện tại	3,7 A

Cơ khí	Sự miêu tả
Hướng lắp đặt	Trước, sau, trần, phía sau
Kích thước	<ul style="list-style-type: none">382 (W) x 318 (D) x 88 (H) mm (không có chân)382 (W) x 318 (D) x 115 (H) mm (có feet)
Trọng lượng	5,8 ± 0,5 kg
Điều kiện môi trường	Hoạt động ở 5 ~ 40°C, độ ẩm 10% đến 85% (không ngưng tụ)

Lưu ý: Tất cả các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

THÔNG TIN THÊM

RS232 protocol function list

Baud Rate 9600

Data Bits 8

Parity None

Stop Bits 1

Flow Control None

UART16550 FIFO Disable

■ Write Command

~	X	X	X	X	X		n	CR
Lead Code	Projector ID		Command			space	variable	carriage return
Prefix	00~99 (Default: 00)		000~999				0~9999	suffix

Pass:

Fail:

■ Read Command

~	X	X	X	X	X		n	CR
Lead Code	Projector ID		Command			space	variable	carriage return
Prefix	00~99 (Default: 00)		000~999				0~9999	suffix

Response Format

Pass:

O	k	n
Variable		

 Fail:

■ System Automatically Send

I	N	F	O	n
				Variable

Note: There is a <CR> after all ASCII commands. 0D is the HEX code for <CR> in ASCII code.

THÔNG TIN THÊM

Main Menu	Level 1	Level 2	Level 3	Level 4	Level 5	n value	Write Command			Read Command				
							CMD	space	Set Para.	CMD	space	Cmd Value	Pass	
3D	3D Mode	Off					-XX230		0					
		On					-XX230		4					
	3D Tech	Off					-XX230		0					
		DLP-Link					-XX230		1					
	3D-2D	3D					-XX400		0					
		L					-XX400		1					
	3D Format	R					-XX400		2					
		Auto					-XX405		0					
		SBS					-XX405		1					
		Top and Bottom					-XX405		2					
3D sync invert	Frame Sequential					-XX405		3						
	Off					-XX231		0						
Reset	On					-XX231		1						
4:3						-XX234		1						
Aspect Ratio	16:9					-XX60		1	-XX127	1		O k 1		
	16:10					-XX60		2	-XX127	1		O k 2		
	LBX					-XX60		3	-XX127	1		O k 3		
	Native					-XX60		5	-XX127	1		O k 5		
	Auto					-XX60		6	-XX127	1		O k 6		
Edge Mask	Zoom Plus				0-10	-XX60		7	-XX127	1		O k 7		
Zoom	-5-25					-XX05		0-10						
	Zoom Minus					-XX05		1						
						-XX06		-5-25						
Image Shift	H+					-XX50		2						
	H	-100 - 100 (Depends on models)				-XX63		-100-100	-XX343	1		O k -100-100		
	H-					-XX50		1						
	V+					-XX541		2						
	V	-100 - 100 (Depends on models)				-XX54		-100-100	-XX543	2		O k -100-100		
Geometric Correction	Four Corners	top left	H: 0-120				-XX541		1					
			V: 0-80				-XX58		1					
			right +1				-XX58		2					
			left +1				-XX59		1					
	top right	up +1					-XX59		2					
		down +1					-XX59		3					
		H: 0-120					-XX58		3					
		V: 0-80					-XX58		4					
	Bottom-left	right +1					-XX59		5					
		left +1					-XX59		6					
		up +1					-XX59		7					
		down +1					-XX59		8					
	Bottom-right	H: 0-120					-XX58		5					
		V: 0-80					-XX58		6					
		right +1					-XX59		9					
		left +1					-XX59		10					
	Reset	up +1					-XX59		11					
		down +1					-XX59		12					
		H: 0-120					-XX58		7					
		V: 0-80					-XX58		8					
H Keystone	right +1					-XX59		13						
	left +1					-XX59		14						
	up +1					-XX59		15						
	down +1					-XX59		16						
V Keystone	Reset					-XX516		1						
						-XX65		-40-40	-XX343	4		O k -40-40		
Audio	Audio Settings	V Keystone	-40 - 40				-XX66		-40-40	-XX343	3		O k -40-40	
		Internal Speaker					-XX314		0					
	Mute	Auto					-XX314		1					
		Audio Out					-XX314		2					
	Mic	Off					-sX30		0	-XX356	1		O k 0	
		On					-sX30		1	-XX356	1		O k 1	
	Volume	Off					-XX362		0					
		On					-XX362		1					
	Projection	Mic Volume				0-10	-XX31		0-10					
		Front					-XX05		1	-XX129	1		O k 0	
Screen Type	Rear					-XX71		1	-XX129	1		O k 1		
	Ceiling-top					-XX71		2	-XX129	1		O k 2		
	Rear-top					-XX71		3	-XX129	1		O k 3		
Filter Settings	Filter Usage Hours	16:9					-XX90		0					
		16:10					-XX90		1					
		Optional Filter Installed	No					-XX320		0	-XX321	1		O k mm (mm=hour digits)
		Yes					-XX320		1					
	Filter Remains	Off					-XX322		0					
		100hr					-XX322		1					
		200hr					-XX322		2					
		300hr					-XX322		3					
		400hr					-XX322		4					
		1000hr					-XX322		1					
Power Settings	Filter Reset					-XX323		1						
	Direct Power On	Off				-XX105		0						
	On					-XX105		1						
	Signal Power On	Off				-XX113		0						
	On					-XX113		1						
Security	Auto Power Off (min.)	0 - 180 (1 min increments)			20	-XX106		0-180						
	0-990				30	-XX107		000-990						
	Sleep Timer (min.)	Always On	No			-XX507		0						
	Power Mode (Standby)	Active	Yes			-XX507		1						
HDMI Link Settings	Security	Eco.					-XX114	1	-XX150	16		O k 1		
		Off					-XX114	0	-XX150	16		O k 0		
	HDMI Link	Off					-XX78		0 - mm					
		On					-XX78		1 - mm					
		Inclusive of TV	No				-XX337		00-12	-XX544	1		O k 00-12	
		Yes					-XX337		00-12	-XX544	2		O k 00-30	
	Power On Link	Manual					-XX538		00-30	-XX544	3		O k 00-24	
		PJ -> Device					-XX539		00-24	-XX544	3		O k 00-24	
	Power Off Link	Device -> PJ					-XX77		-MMDDHH					
		Off					-XX511		0					
Test Pattern	HDMI Link	On					-XX511	1						
		Off					-XX512	0						
	White Grid	Yes					-XX512	1						
		No					-XX513	1						
	Green Grid	Magenta Grid					-XX513	2						
		White Grid					-XX513	3						
Remote Settings	IR Function	Off				-XX514		0						
		On				-XX514		1						
	Remote Code	Green Grid					-XX195		3					
		White Grid					-XX195		4					
User1 (F1)	Off					-XX195		1						
	On All					-XX195		2						
	On All					-XX195		0						
User2 (F2)	Off					-XX11		0						
	On All					-XX11		1						
	On All					-XX11		1						
User3 (F3)	Remote Code	00-99				-XX48		00-99	-XX558	1		O k 00-99		
	Functions please refer to UM					-XX48		2						
	Functions please refer to UM					-XX48		1-9						
						1. Test Pattern								
						2. Brightness								
						3. Contrast								
						4. Sleep Timer								
						5. Color Matching								
						6. Color Temp								
						7. Gamma								
						8. Projection								
						9. Digital Lens Shift								

Note: Some commands are not supported, it depends on models.

THÔNG TIN THÊM

Main Menu	Level 1	Level 2	Level 3	Level 4	Level 5	n value	Write Command			Read Command		
							CMD	space	Set Para.	CMD	space	Cmd Value
Options	Projector ID	00-99	English				-XX79		00-99			
			Deutsch				-XX70		1			
			Francais				-XX70		2			
			Italiano				-XX70		3			
			Espanol				-XX70		4			
			Portugues				-XX70		5			
			Polaki				-XX70		6			
			Nederlands				-XX70		7			
			Svenska				-XX70		8			
			Sorsk/Dansk				-XX70		9			
			Soomsi				-XX70		10			
			Հայերէս				-XX70		11			
			繁體中文				-XX70		12			
			简体中文				-XX70		13			
			日本語				-XX70		14			
			한국어				-XX70		15			
			پښتو				-XX70		16			
			Русский				-XX70		17			
			Magyar				-XX70		18			
			Cestina				-XX70		19			
			عربي				-XX70		20			
			Turkce				-XX70		21			
			ភាសាខ្មែរ				-XX70		22			
			Tiếng Việt				-XX70		23			
			Bahasa Indonesia				-XX70		25			
			Romani				-XX70		26			
			Slovakian				-XX70		27			
			Menu Settings	Menu Location	Top left				-XX72		1	
	Top right						-XX72		2			
	Center						-XX72		3			
	Bottom left						-XX72		4			
	Bottom right						-XX72		5			
	Menu Timer	Off						-XX515		0		
		1sec						-XX515		1		
		3sec						-XX515		3		
	Auto Source	Off						-XX563		0		
		On						-XX563		1		
	Input Source	[No signal]										
		HDMI1						-XX121		1		O k 0
		HDMI2					-XX121		1		O k 1	
		VGA					-XX121		1		O k 2	
	Input Name	HDMI1		Default / Custom		Default	-XX518		1~m...n (10 characters)			
		HDMI2		Default / Custom		Default	-XX518		2~m...n (10 characters)			
		VGA		Default / Custom		Default	-XX518		8~m...n (10 characters)			
	High Altitude	Off					-XX101		0			
		On					-XX101		1			
	Display Mode Lock	Off					-XX348		0			
		On					-XX348		1			
	Keypad Lock	Off					-XX103		0			
		On					-XX103		1			
Information Hide	Off					-XX102		0				
	On					-XX102		1				
Logo	Default					-XX82		1				
	Neutral					-XX82		3				
	User					-XX82		2				
	None					-XX104		0				
Background Color	Blue					-XX104		1				
	Red					-XX104		3				
	Green					-XX104		4				
	Gray					-XX104		6				
	Logo					-XX104		7				
	Auto Upgrade F/W	On				-XX168		1		O k 1		
	Off					-XX168		0		O k 0		
Reset	Reset OSD					-XX466		1				
	Reset to Default					-XX112		1				
Network	LAN	Network Status	Connected									
			Disconnected									
		MAC Address										
		DHCP	Off									
		On										
		IP Address				192.168.0.100						
		Subnet Mask				255.255.255.0						
		Gateway				192.168.0.254						
		DNS				192.168.0.51						
		Reset										
	Control	Crestron	Off				-XX454		0			
		On					-XX454		1			
		Eaton	Off				-XX455		0			
		On					-XX455		1			
		PJ Link	Off				-XX456		0			
On					-XX456		1					
AMX Device Discovery	Off				-XX457		0					
On					-XX457		1					
Telet	Off				-XX458		0					
On					-XX458		1					
HTTP	Off				-XX459		0					
On					-XX459		1					
Info	Regulatory											
	Serial Number										O k 1	
	Current Input Source										mmmmmmmmmm	
	Resolution	00x00									* Check "Input Source" read above	
	Refresh Rate	00Hz									mmmmmmmmmm (e.g. 0K1920x1080)	
	Network Status	Disconnected									mmmm (e.g. 0K60Hz)	
	Connected										mmmm	
	IP Address										O k 1	
	Projector ID	00-99									O k 1	
	Remote Code	00-99									O k 1	
	Remote Code(Active)	00-99									O k 1	
	Display Mode										mmmm	
	Power mode(standby)	Eco									* Check "Display Mode" read above	
	Active										O k 0	
	Communication										O k 1	
	Brightness Mode										O k 3	
	Filter Usage Hours										mmmm	
	Light Source Hours	Total									O k 1	
System										mmmm (mmmm = hour digits)		
FW Version	LAN									O k 1		
MCU										O k 1		

Note: Some commands are not supported, it depends on models.

THÔNG TIN THÊM

Note *1
~xx150

Power		Light Source Life				Input Source		Firmware Version				Display Mode	
a	b	b	b	b	b	c	c	d	d	d	d	e	e
a=0 Power Off a=1 Power On	Light Source Life = nnnn Calucalte by each mode formula				cc=00 None cc=01 DVI cc=02 VGA1 cc=03 VGA2 cc=04 S-Video cc=05 Video cc=06 BNC cc=07 HDMI1 cc=08 HDMI2 cc=09 Wireless cc=10 Compnent cc=11 Flash drive cc=12 Network Display(Presenter) cc=13 USB Display cc=14 HDMI3 cc=15 DisplayPort cc=16 HDBaseT cc=17 Multimedia		# # # #	ee=00 None ee=01 Presentation (Old: Cinema) ee=02 Bright ee=03 Cinema (Old: Movie/Photo) ee=04 sRGB\Reference\Standard ee=05 User(1) ee=06 User2 ee=07 Blackboard ee=08 Classroom ee=09 3D ee=10 DICOM SIM. ee=11 Film ee=12 Game ee=13 Cinema ee=14 Vivid ee=15 ISF Day ee=16 ISF Night ee=17 ISF 3D ee=18 2D high speed ee=19 Blending Mode ee=20 Sport ee=21 HDR ee=22 HDR SIM. ee=23 Super Bright ee=24 (Alexa auto check 2D/3D User)					

Note: Some commands are not supported, it depends on models.

THÔNG TIN THÊM

Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.

Hoa Kỳ

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539
www.optomausa.com

☎ 888-289-6786
📠 510-897-8601
✉ services@optoma.com

Canada

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539
www.optomausa.com

☎ 888-289-6786
📠 510-897-8601
✉ services@optoma.com

Mỹ Latin

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539
www.optomausa.com

☎ 888-289-6786
📠 510-897-8601
✉ services@optoma.com

Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills
Hemel Hempstead, Herts,
HP1 2UJ, United Kingdom
www.optoma.eu
Service Tel : +44 (0)1923 691865

☎ +44 (0) 1923 691 800
📠 +44 (0) 1923 691 888
✉ service@tsc-europe.com

Benelux BV

Randstad 22-123
1316 BW Almere
Hà Lan
www.optoma.nl

☎ +31 (0) 36 820 0252
📠 +31 (0) 36 548 9052

Pháp

Bâtiment E
81-83 avenue Edouard Vaillant
92100 Boulogne Billancourt,
Pháp

☎ +33 1 41 46 12 20
📠 +33 1 41 46 94 35
✉ savoptoma@optoma.fr

Tây Ban Nha

C/ José Hierro,36 Of. 1C
28522 Rivas VaciaMadrid,
Tây Ban Nha

☎ +34 91 499 06 06
📠 +34 91 670 08 32

Đức

Wiesenstrasse 21 W
D40549 Düsseldorf,
Đức

☎ +49 (0) 211 506 6670
📠 +49 (0) 211 506 66799
✉ info@optoma.de

Scandinavia

Lerpeveien 25
3040 Drammen
Na Uy

☎ +47 32 98 89 90
📠 +47 32 98 89 99
✉ info@optoma.no

PO.BOX 9515
3038 Drammen
Norway

Hàn Quốc

WOOMI TECH.CO.,LTD.
4F,Minu Bldg.33-14, Kangnam-Ku,
seoul,135-815, KOREA

☎ +82+2+34430004
📠 +82+2+34430005

Nhật Bản

東京都足立区綾瀬3-25-18
株式会社オーエス
コンタクトセンター:0120-380-495

✉ info@os-worldwide.com
www.os-worldwide.com

Đài Loan

12F., No. 213,Sec. 3, Beixin Rd.,
Xindian Dist., New Taipei City 231,
Taiwan, R.O.C.
www.optoma.com.tw

☎ +886-2-8911-8600
📠 +886-2-8911-6550
✉ services@optoma.com.tw
asia.optoma.com

Trung Quốc

Room 2001, 20F, Building 4,
No.1398 Kaixuan Road,
Changning District, Shanghai

☎ +86-21-62947376
📠 +86-21-62947375
www.optoma.com.cn

